

(Đề có 6 trang)

Họ tên : Số báo danh :

Mã đề 235

Câu 1: Trong không gian Oxyz, cho đường thẳng $d: \frac{x+8}{4} = \frac{5-y}{2} = \frac{-z}{-1}$. Khi đó vector chỉ phương của đường thẳng d có tọa độ là:

- A. (4; -2; 1) B. (4; -2; -1) C. (4; 2; -1) D. (4; 2; 1)

Câu 2: Trong không gian với hệ trục tọa độ Oxyz, cho mặt phẳng: $5x - 2y - 3z + 7 = 0$. Tìm tọa độ vector pháp tuyến \vec{n} của mặt phẳng.

- A. $\vec{n} = (5; 2; 3)$. B. $\vec{n} = (-5; 2; 3)$. C. $\vec{n} = (-5; 2; -3)$. D. $\vec{n} = (-5; -2; -3)$.

Câu 3: Hàm số $y = -x^4 + 2x^2 + 2$ nghịch biến trên khoảng nào trong các khoảng sau đây?

- A. (0 ; 1). B. (1 ; 2). C. (-3 ; -2). D. (-2 ; -1).

Câu 4: Đường tiệm cận đứng của đồ thị hàm số $y = \frac{2x-3}{2x+1}$ là đường thẳng

- A. $x = \frac{-1}{2}$. B. $y = \frac{-1}{2}$. C. $x = \frac{3}{2}$. D. $y = 1$.

Câu 5: Công thức thể tích V của khối chóp tính theo diện tích đáy B và chiều cao h của nó là:

- A. $V = Bh$ B. $V = \frac{2}{3}Bh$ C. $V = \frac{1}{3}Bh$ D. $V = \frac{1}{2}Bh$

Câu 6: Tìm họ nguyên hàm của hàm số $f(x) = x + \cos x$.

- A. $\int f(x) dx = 1 - \sin x + C$. B. $\int f(x) dx = \frac{x^2}{2} - \sin x + C$.
C. $\int f(x) dx = \frac{x^2}{2} + \sin x + C$. D. $\int f(x) dx = x \sin x + \cos x + C$.

Câu 7: Một hình trụ có chu vi đáy bằng 10π cm và có chiều cao là 5cm. Tính thể tích V của hình trụ?

- A. $V = 500\pi \text{ cm}^3$. B. $V = 125\pi \text{ cm}^3$. C. $V = 50\pi \text{ cm}^3$. D. $V = \frac{125}{3} \text{ cm}^3$

Câu 8: Trong không gian Oxyz, cho hai đường thẳng $(d_1): \frac{x+1}{2} = \frac{1-y}{m} = \frac{2-z}{3}$ và

$(d_2): \frac{x-3}{1} = \frac{y}{1} = \frac{z-1}{1}$. Tìm tất cả giá trị thực của m để $(d_1) \perp (d_2)$.

- A. $m = -5$ B. $m = 1$ C. $m = -1$ D. $m = 5$

Câu 9: Cho hình trụ có diện tích đáy là B , chiều cao là h và thể tích là V . Chọn công thức đúng?

- A. $B = Vh$. B. $V = hB$. C. $h = \frac{3V}{B}$. D. $V = \frac{1}{3}hB$.

Câu 10: Một hình nón có chiều dài đường sinh và đường kính mặt đáy đều bằng 5 dm. Diện tích xung quanh của hình nón là:

- A. $\frac{25\pi}{2} dm^2$. B. $\frac{25\pi}{6} dm^2$. C. $25\pi dm^2$. D. $\frac{25\pi}{4} dm^2$.

Câu 11: Cho $f(x)$ là hàm số liên tục trên đoạn $[a; b]$ và $c \in [a; b]$. Mệnh đề nào sau đây đúng?

- A. $\int_a^c f(x) dx + \int_c^b f(x) dx = \int_a^b f(x) dx$. B. $\int_a^b f(x) dx - \int_a^c f(x) dx = \int_c^b f(x) dx$.
 C. $\int_a^b f(x) dx + \int_c^a f(x) dx = \int_c^b f(x) dx$. D. $\int_a^b f(x) dx + \int_a^c f(x) dx = \int_c^b f(x) dx$.

Câu 12: Cho khối chóp có thể tích là $\frac{a^3\sqrt{3}}{6}$ và diện tích mặt đáy là $\frac{a^2\sqrt{3}}{8}$, khi đó chiều cao của khối chóp đó là:

- A. $\frac{a\sqrt{3}}{2}$ B. $4a$ C. $\frac{4a}{3}$ D. $\frac{a}{2}$

Câu 13: Cho số phức $z = 3 + i$. Tính $|z|$.

- A. $|z| = 4$. B. $|z| = \sqrt{10}$. C. $|z| = 2$. D. $|z| = 2\sqrt{2}$.

Câu 14: Cho số dương a khác 1 và các số thực x, y . Đẳng thức nào sau đây đúng?

- A. $(a^x)^y = a^{xy}$. B. $a^x \cdot a^y = a^{xy}$. C. $\frac{a^x}{a^y} = a^{\frac{x}{y}}$. D. $a^x + a^y = a^{x+y}$.

Câu 15: Trong không gian Oxyz, cho mặt cầu $(S): (x-4)^2 + (y+5)^2 + (z-3)^2 = 4$. Tìm tọa độ tâm I và bán kính R của mặt cầu.

- A. $I(-4; 5; -3)$ và $R = 2$ B. $I(4; -5; 3)$ và $R = 2$
 C. $I(4; -5; 3)$ và $R = 4$ D. $I(-4; 5; -3)$ và $R = 4$

Câu 16: Gieo một con súc sắc. Xác suất để mặt chẵn chấm xuất hiện là:

- A. 0,3. B. 0,2. C. 0,4. D. 0,5.

Câu 17: Giá trị nhỏ nhất của hàm số $f(x) = \frac{x^2 + x + 4}{x + 1}$ trên đoạn $[0; 2]$ bằng

- A. -5. B. 3. C. $\frac{10}{3}$. D. 4.

Câu 18: Cho hai số phức $z_1 = 2 + 3i$, $z_2 = -4 - 5i$. Số phức $z = z_1 + z_2$ là

- A. $z = -2 + 2i$. B. $z = 2 - 2i$. C. $z = -2 - 2i$. D. $z = 2 + 2i$.

Câu 19: Trong không gian Oxyz, cho mặt phẳng $(P): x - 3y + z - 1 = 0$. Tính khoảng cách d từ điểm $M(1; 2; 1)$ đến mặt phẳng.

- A. $d = \frac{\sqrt{12}}{3}$ B. $d = \frac{\sqrt{15}}{3}$ C. $\frac{5\sqrt{11}}{11}$ D. $d = \frac{4\sqrt{3}}{3}$

Câu 20: Cho hàm số có bảng biến thiên như hình vẽ.

x	$-\infty$	-2	3	$+\infty$	
y'	$+$	0	$-$	0	$+$
y	$-\infty$	4	-2	$+\infty$	

Số nghiệm của phương trình $|f(x-1)|=2$ là

- A. 2. B. 5. C. 4. D. 3.

Câu 21: Cho $a > 0, a \neq 1$, giá trị của $\log_a a$ bằng

- A. 3. B. -3. C. $\frac{1}{3}$. D. $-\frac{1}{3}$.

Câu 22: Trong các dãy số sau đây dãy số nào là cấp số nhân?

- A. Dãy số $-2; 2; -2; 2; \dots; -2; 2; -2; 2; \dots$
 B. Dãy số (u_n) , xác định bởi hệ: $\begin{cases} u_1 = 1 \\ u_n = u_{n-1} + 2 (n \in \mathbb{N}^*; n \geq 2) \end{cases}$
 C. Dãy số (u_n) , xác định bởi công thức $u_n = 3^n + 1$ với $n \in \mathbb{N}^*$
 D. Dãy số các số tự nhiên $1; 2; 3; \dots$

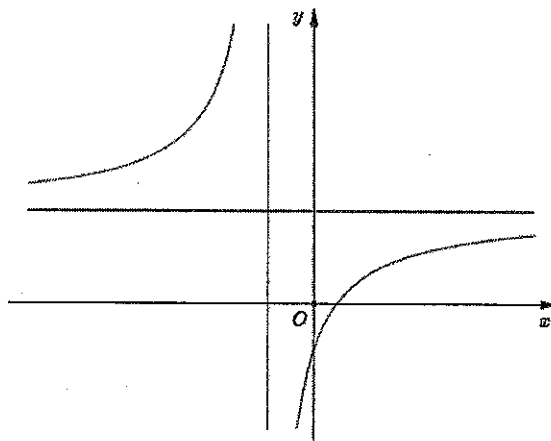
Câu 23: Tính thể tích V của khối lập phương $ABCD.A'B'C'D'$, biết $A'C = a\sqrt{6}$

- A. $V = \frac{a^3\sqrt{3}}{3}$ B. $V = 3a^3\sqrt{2}$ C. $V = 2a^3\sqrt{6}$ D. $V = 2a^3\sqrt{2}$

Câu 24: Cho các số phức $z_1 = 3 + 2i, z_2 = 3 - 2i$. Phương trình bậc hai có hai nghiệm z_1 và z_2 là

- A. $z^2 - 6z - 13 = 0$. B. $z^2 + 6z - 13 = 0$. C. $z^2 - 6z + 13 = 0$. D. $z^2 + 6z + 13 = 0$.

Câu 25: Hình vẽ bên là đồ thị của hàm số $y = \frac{ax+b}{cx+d}$. Mệnh đề nào sau đây là đúng?



- A. $bd > 0, ad > 0$. B. $ad > 0, ab < 0$. C. $ad < 0, ab < 0$. D. $bd < 0, ab > 0$.

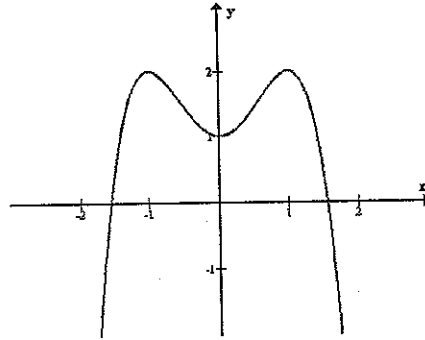
Câu 26: Với những giá trị nào của x thì đồ thị hàm số $y = 3^{x+1}$ nằm phía trên đường thẳng $y = 27$.

- A. $x \leq 2$. B. $x > 2$. C. $x > 3$. D. $x \leq 3$.

Câu 27: Cho hàm số $y = \frac{1}{3}x^3 - x^2 + mx + m - \frac{1}{3}$ (m là tham số thực). Tìm m để hình phẳng giới hạn bởi đồ thị hàm số và trục Ox được chia thành hai phần có diện tích bằng nhau.

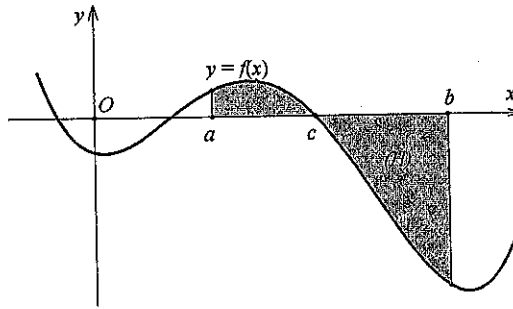
- A. $m=1$. B. $m=0$. C. $m=\frac{2}{3}$. D. $m=\frac{1}{2}$.

Câu 28: Đường cong trong hình bên là đồ thị của hàm số nào trong các hàm số được liệt kê dưới đây?



- A. $y=-x^4+1$. B. $y=x^4+1$. C. $y=x^4+2x^2+1$. D. $y=-x^4+2x^2+1$.

Câu 29: Cho hàm số $y=f(x)$ liên tục trên đoạn $[a;b]$ có đồ thị như hình bên và $c \in [a;b]$. Gọi S là diện tích của hình phẳng (H) giới hạn bởi đồ thị hàm số $y=f(x)$ và các đường thẳng $y=0$, $x=a$, $x=b$. Mệnh đề nào sau đây sai?



- A. $S = \int_a^c f(x)dx - \int_c^b f(x)dx$. B. $S = \int_a^b |f(x)|dx$.
 C. $S = \int_a^c f(x)dx + \int_c^b f(x)dx$. D. $S = \int_a^c f(x)dx + \int_c^b f(x)dx$.

Câu 30: Đồ thị hàm số nào trong các hàm số sau đây có đúng một điểm cực trị?

- A. $y=x^3-4x+2$. B. $y=\frac{x-1}{x-2}$. C. $y=x^4+2x^2-1$. D. $y=x^4-2x^2+1$.

Câu 31: Tìm họ nguyên hàm của hàm số $f(x)=\frac{1}{x\sqrt{\ln x+1}}$.

- A. $\int f(x)dx = \frac{1}{2\sqrt{\ln x+1}} + C$. B. $\int f(x)dx = 2\sqrt{\ln x+1} + C$.
 C. $\int f(x)dx = \sqrt{\ln x+1} + C$. D. $\int f(x)dx = \frac{1}{\sqrt{\ln x+1}} + C$.

Câu 32: Cho hình chóp $S.ABC$ có đáy ABC là tam giác vuông cân tại B , $AB=BC=a\sqrt{3}$, $\widehat{SAB}=\widehat{SCB}=90^\circ$ và khoảng cách từ điểm A đến mặt phẳng (SBC) bằng $a\sqrt{2}$. Tính diện tích mặt cầu ngoại tiếp hình chóp $S.ABC$ theo a .

- A. $S=16\pi a^2$. B. $S=8\pi a^2$. C. $S=4\pi a^2$. D. $S=12\pi a^2$.

Câu 33: Cho $\log_2 b=4, \log_2 c=-4$. Tính $\log_2(b^2c)$.

A. 4.

B. 7.

C. 6.

D. 8.

Câu 34: Kết quả thống kê cho biết ở thời điểm năm 2013 dân số Việt Nam là 90 triệu người, tốc độ tăng dân số là 1,1%/năm. Nếu mức tăng dân số ổn định như vậy thì dân số Việt Nam sẽ gấp đôi vào năm nào?

A. 2050.

B. 2093.

C. 2070.

D. 2077.

Câu 35: Có bao nhiêu số phức z thỏa mãn $(1+i)z + \bar{z}$ là số thuần ảo và $|z-2i|=1$

A. Vô số.

B. 2.

C. 1.

D. 0.

Câu 36: Trong không gian Oxyz, cho mặt cầu $(S): x^2 + y^2 + z^2 + 2x + 4y - 6z - 11 = 0$ và mặt phẳng $(P): 2x + 6y - 3z + m = 0$. Tìm tất cả các giá trị của m để mặt phẳng cắt mặt cầu theo giao tuyến là một đường tròn có bán kính bằng 3.

A. $m = 51$

B. $\begin{cases} m = 51 \\ m = -5 \end{cases}$

C. $m = -5$

D. $m = 4$

Câu 37: Tìm m để phương trình $2\sin x + m\cos x = 1 - m$ có nghiệm $x \in \left[-\frac{\pi}{2}; \frac{\pi}{2}\right]$.

A. $-3 \leq m \leq 1$.

B. $-2 \leq m \leq 6$.

C. $1 \leq m \leq 3$.

D. $-1 \leq m \leq 3$.

Câu 38: Tìm tập nghiệm của phương trình $\log_3(x^3 + 3x + 4) = \log_3 8$.

A. \emptyset .

B. $\{-4; 1\}$.

C. $\{-4\}$.

D. $\{1\}$.

Câu 39: Cho hàm số $y = \frac{2x-2}{x-2}$ có đồ thị là (C) . M là điểm thuộc (C) sao cho tiếp tuyến của (C) tại M cắt hai đường tiệm cận của (C) tại hai điểm $A; B$ thỏa mãn $AB = 2\sqrt{5}$. Gọi S là tổng các hoành độ của tất cả các điểm M thỏa mãn bài toán. Giá trị của S bằng:

A. 6.

B. 8.

C. 5.

D. 7.

Câu 40: Tìm tất cả các giá trị của tham số thực m để phương trình $4^x - 2m \cdot 2^x - 2m + 3 = 0$ có hai nghiệm phân biệt?

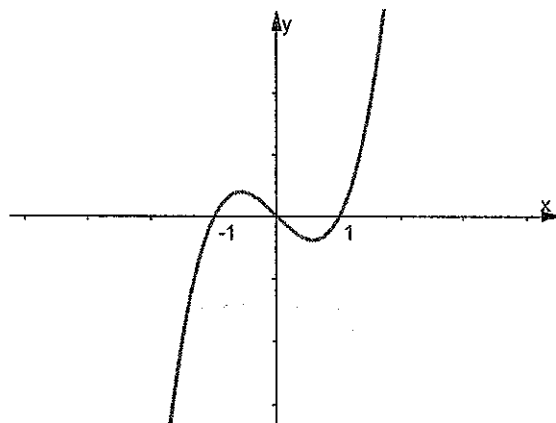
A. $m > 0$.

B. $m > 1$.

C. $1 < m < \frac{3}{2}$.

D. $m < -3$ hoặc $m > 1$.

Câu 41: Cho hàm số $y = f(x)$, hàm số $y = f'(x)$ có đồ thị như hình vẽ dưới đây. Hỏi hàm số $y = f(x^2 - 1)$ đồng biến trên khoảng nào?



A. $(1; \sqrt{2})$.

B. $(-\infty; -\sqrt{2})$.

C. $(-1; 1)$.

D. $(0; 1)$.

Câu 42: Trong không gian với hệ tọa độ Oxyz, cho hai điểm $A(0;2;-4)$, $B(-3;5;2)$. Tìm tọa độ điểm M sao cho biểu thức $MA^2 + 2MB^2$ đạt giá trị nhỏ nhất.

- A. $M(-1;3;-2)$. B. $M\left(-\frac{3}{2};\frac{7}{2};-1\right)$. C. $M(-2;4;0)$. D. $M(-3;7;-2)$.

Câu 43: Cho số phức z thỏa mãn $|z-1-i|=1$, số phức w thỏa mãn $|\bar{w}-2-3i|=2$. Tìm giá trị nhỏ nhất của $|z-w|$.

- A. $\sqrt{17}-3$. B. $\sqrt{13}-3$. C. $\sqrt{13}+3$. D. $\sqrt{17}+3$.

Câu 44: Một hộp có 5 viên bi xanh, 6 viên bi đỏ và 7 viên bi vàng. Chọn ngẫu nhiên 5 viên bi trong hộp, tính xác suất để 5 viên bi được chọn có đủ màu và số bi đỏ bằng số bi vàng.

- A. $\frac{313}{408}$. B. $\frac{5}{102}$. C. $\frac{95}{408}$. D. $\frac{25}{136}$.

Câu 45: Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy $ABCD$ là hình vuông cạnh a . Cạnh bên SA vuông góc với đáy $(ABCD)$. Góc giữa SC và mặt đáy bằng 45° . Gọi E là trung điểm BC . Tính khoảng cách giữa hai đường thẳng DE và SC .

- A. $\frac{a\sqrt{38}}{5}$ B. $\frac{a\sqrt{38}}{19}$ C. $\frac{a\sqrt{5}}{19}$ D. $\frac{a\sqrt{5}}{5}$

Câu 46: Trong không gian Oxyz, cho đường thẳng d và mặt phẳng lần lượt có phương trình $d: \frac{x+3}{2} = \frac{y+1}{1} = \frac{z}{-1}$, $(P): x-3y+2z+6=0$. Phương trình hình chiếu của đường thẳng d lên mặt phẳng là:

- A. $\begin{cases} x=1+31t \\ y=1+5t \\ z=-2-8t \end{cases}$ B. $\begin{cases} x=1-31t \\ y=1+5t \\ z=-2-8t \end{cases}$ C. $\begin{cases} x=1+31t \\ y=1+5t \\ z=2-8t \end{cases}$ D. $\begin{cases} x=1+31t \\ y=3+5t \\ z=-2-8t \end{cases}$

Câu 47: Có bao nhiêu giá trị của tham số thực m để hàm số $y = \frac{1}{3}x^3 - x^2 + (m^2 - 3)x + 2018$ có hai điểm cực trị x_1, x_2 sao cho biểu thức $P = |x_1(x_2 - 2) - 2(x_2 + 1)|$ đạt giá trị lớn nhất?

- A. 4 B. 3 C. 2 D. 1

Câu 48: Có bao nhiêu giá trị nguyên của m để phương trình $3\sqrt{x-1} + m\sqrt{x+1} = 2\sqrt{x^2-1}$, $(m \in R)$ có nghiệm?

- A. 1. B. 0. C. Vô số. D. 2.

Câu 49: Cho hình chóp $S.ABC$ có đáy là ΔABC vuông cân ở B , $AC = a\sqrt{2}$, $SA \perp (ABC)$, $SA = a$. Gọi G là trọng tâm của ΔSBC , $mp(\alpha)$ đi qua AG và song song với BC chia khối chóp thành hai phần. Gọi V là thể tích của khối đa diện không chứa đỉnh S . Tính V .

- A. $\frac{4a^3}{27}$. B. $\frac{4a^3}{9}$. C. $\frac{5a^3}{54}$. D. $\frac{2a^3}{9}$.

Câu 50: Cho $F(x) = \frac{1}{2x^2}$ là một nguyên hàm của hàm số $\frac{f(x)}{x}$. Tính $I = \int_1^e f'(x) \ln x dx$:

- A. $I = \frac{e^2 - 2}{e^2}$. B. $I = \frac{e^2 - 3}{2e^2}$. C. $I = \frac{3 - e^2}{2e^2}$. D. $I = \frac{2 - e^2}{e^2}$.

----- HẾT -----

(Đề có 4 trang)

Mã đề 101

Họ tên : Lớp :

Câu 1: Sóng âm truyền từ không khí vào nước thì

- A. tốc độ truyền âm giảm B. bước sóng không đổi.
C. tần số không đổi D. bước sóng giảm

Câu 2: Một sóng cơ hình sin truyền trên một phương có bước sóng λ . Gọi d là khoảng cách ngắn nhất giữa hai điểm mà hai phân tử của môi trường tại đó dao động lệch pha nhau 90° . Tỉ số $\frac{\lambda}{d}$ bằng

- A. 1 B. 8 C. 2 D. 4

Câu 3: Một vật sáng AB là một đoạn thẳng đặt vuông góc trục chính của thấu kính phân kì cho ảnh ảo cao bằng nửa vật và cách vật 10 cm. Tiêu cự của thấu kính bằng

- A. -20cm B. 10 cm C. 20 cm D. -10 cm

Câu 4: Một chất điểm dao động điều hòa theo phương trình $x = 10 \cos\left(2\pi t + \frac{\pi}{3}\right)$ cm (t tính bằng s).

Quãng đường chất điểm đi được trong một chu kì là

- A. 40cm B. 5cm C. 10cm D. 20cm

Câu 5: Ở bán dẫn tinh khiết

- A. số electron tự do và số lỗ trống bằng nhau. B. số electron tự do luôn lớn hơn số lỗ trống.
C. tổng số electron và lỗ trống bằng 0. D. số electron tự do luôn nhỏ hơn số lỗ trống.

Câu 6: Một đoạn mạch gồm điện trở thuần R , cuộn cảm thuần có hệ số tự cảm L và tụ điện có điện dung C mắc nối tiếp. Đặt vào hai đầu đoạn mạch một điện áp xoay chiều có tần số góc ω thay đổi được. Khi trong mạch xảy ra hiện tượng cộng hưởng thì tần số góc có giá trị là

- A. $\omega = \sqrt{LC}$ B. $\omega = \frac{1}{\sqrt{LC}}$ C. $\omega = \frac{1}{\sqrt{RC}}$ D. $\omega = \frac{1}{\sqrt{LR}}$

Câu 7: Đặt vào hai đầu đoạn mạch RLC nối tiếp một điện áp xoay chiều khi cảm kháng của cuộn dây là Z_L , dung kháng của tụ điện là Z_C , tổng trở của đoạn mạch là Z . Hệ số công suất của mạch là

- A. $\frac{Z_L - Z_C}{R}$ B. $\frac{R}{Z}$ C. $\frac{Z}{R}$ D. $\frac{Z_L - Z_C}{Z}$

Câu 8: Khoảng vân là

- A. khoảng cách giữa hai vân sáng cùng bậc trên màn hứng vân.
B. khoảng cách giữa hai vân sáng liên tiếp trên màn hứng vân.
C. khoảng cách từ vân trung tâm đến vân tối gần nó nhất.
D. khoảng cách giữa một vân sáng và một vân tối liên tiếp trên màn hứng vân.

Câu 9: Phần cảm của máy phát điện xoay chiều một pha có p cặp cực, rô to quay với tốc độ n vòng/phút thì dòng điện do máy phát ra có tần số

- A. $f = np$ B. $f = \frac{np}{60}$ C. $f = \frac{n}{60p}$ D. $f = 60np$

Câu 10: Trong sóng cơ, công thức liên hệ giữa tốc độ truyền sóng v , bước sóng λ và chu kì T của sóng là

- A. $\lambda = \frac{v}{2\pi T}$ B. $\lambda = vT$ C. $\lambda = 2\pi vT$ D. $\lambda = \frac{v}{T}$

Câu 11: Khi ánh sáng truyền từ môi trường chiết suất lớn sang môi trường có chiết suất nhỏ hơn thì

- A. luôn luôn xảy ra hiện tượng phản xạ toàn phần.
- B. không thể có hiện tượng phản xạ toàn phần.
- C. có thể xảy ra hiện tượng phản xạ toàn phần.
- D. hiện tượng phản xạ toàn phần xảy ra khi góc tới lớn nhất.

Câu 12: Đặt một hiệu điện thế U vào hai bản của một tụ điện có điện dung $C = 2 \mu\text{F}$ thì khi ổn định độ lớn điện tích trên mỗi bản của tụ điện bằng $Q = 0,2\text{mC}$. Giá trị U là

- A. 40 V
- B. 10 V
- C. 0,4 V
- D. 100 V

Câu 13: Lực hút tĩnh điện giữa hai điện tích là $2 \cdot 10^{-6} \text{ N}$. Khi đưa chúng xa nhau thêm 2 cm thì lực hút là $5 \cdot 10^{-7} \text{ N}$. Khoảng cách ban đầu giữa chúng là

- A. 4 cm.
- B. 2 cm.
- C. 3 cm.
- D. 1 cm.

Câu 14: Biên độ dao động cưỡng bức của hệ không phụ thuộc vào

- A. tần số riêng của hệ
- B. biên độ của ngoại lực.
- C. tần số của ngoại lực
- D. pha ban đầu của ngoại lực.

Câu 15: Điện năng biến đổi hoàn toàn thành nhiệt năng ở dụng cụ hay thiết bị nào dưới đây khi chúng hoạt động?

- A. Quạt điện.
- B. Acquy đang nạp điện.
- C. Bóng đèn neon.
- D. Bàn ủi điện.

Câu 16: Một vật dao động điều hòa, khi gia tốc của vật có giá trị cực tiểu thì vật cách biên âm 8 cm. Biên độ dao động của vật là

- A. 12 cm
- B. 8 cm
- C. 4 cm
- D. 16 cm

Câu 17: Một lăng kính có góc chiết quang $A = 6^\circ$, chiết suất của lăng kính đối với tia đỏ là $n_d = 1,6444$ và đối với tia tím là $n_t = 1,6852$, Chiếu tia sáng trắng tới mặt bên của lăng kính dưới góc tới nhỏ. Góc lệch giữa tia ló màu đỏ và tia ló màu tím:

- A. 0,0025 rad
- B. 0,0055 rad
- C. 0,0044 rad
- D. 0,0011 rad

Câu 18: Từ thông qua một khung dây dẫn biến thiên theo thời gian có biểu thức

$$\phi = \frac{200}{\pi} \cos\left(100\pi t + \frac{\pi}{2}\right) \text{ mWb} \quad (\text{trong đó } t \text{ tính bằng s})$$

thì trong khung dây xuất hiện một suất điện động

cảm ứng có giá trị hiệu dụng bằng

- A. 100V
- B. $10\sqrt{2} \text{ V}$
- C. 20V
- D. 2V

Câu 19: Cho đoạn mạch gồm điện trở thuần R nối tiếp với tụ điện có điện dung C . Khi có dòng điện xoay chiều với tần số góc ω chạy qua thì tổng trở đoạn mạch là:

- A. $\sqrt{R^2 + (\omega C)^2}$
- B. $\sqrt{R^2 - (\omega C)^2}$
- C. $\sqrt{R^2 + \left(\frac{1}{\omega C}\right)^2}$
- D. $\sqrt{R^2 - \left(\frac{1}{\omega C}\right)^2}$

Câu 20: Quang phổ vạch phát xạ được phát ra do

- A. các chất khí hay hơi ở áp suất thấp khi bị kích thích phát sáng.
- B. các chất rắn, lỏng hoặc khí khi bị nung nóng.
- C. các chất rắn, lỏng hoặc khí có tỉ khối lớn khi bị nung nóng.
- D. chiếu ánh sáng trắng qua chất khí hay hơi bị nung nóng.

Câu 21: Cường độ âm tại điểm A trong môi trường truyền âm là $I = 10^{-7} \text{ W/m}^2$. Biết cường độ âm chuẩn là $I_0 = 10^{-12} \text{ W/m}^2$. Mức cường độ âm tại điểm A bằng

- A. 80dB
- B. 50dB
- C. 60dB
- D. 70dB

Câu 22: Một vòng dây dẫn phẳng có diện tích $0,5 \text{ m}^2$ đặt trong từ trường đều có véc tơ cảm ứng từ vuông góc với mặt phẳng vòng dây. Nếu cảm ứng từ tăng đều từ 0,1 T đến 0,5 T trong thời gian 0,1 s thì độ lớn suất điện động cảm ứng xuất hiện trong vòng dây có độ lớn là

- A. 2,5V
- B. 0,25V
- C. 2V
- D. 1V

Câu 23: Một ống dây dài 50 cm có 2500 vòng dây. Đường kính ống dây bằng 2 cm. Cho một dòng điện biến đổi đều theo thời gian chạy qua ống dây. Sau thời gian 0,01 s dòng điện tăng từ 0 đến 3 A. Suất điện động tự cảm trong ống dây có độ lớn là

- A. 1,50 V. B. 0,15 V. C. 0,30 V. D. 3,00 V.

Câu 24: Âm sắc là một đặc trưng sinh lí của âm gắn liền với

- A. tần số âm. B. mức cường độ âm
C. cường độ âm. D. đồ thị dao động âm

Câu 25: Đặt một điện áp xoay chiều $u = U\sqrt{2} \cos(\omega t + \varphi)$ (trong đó $U > 0, \omega > 0$) vào hai đầu cuộn cảm thuần có độ tự cảm L. Cường độ dòng điện hiệu dụng qua cuộn cảm là

- A. $U\omega L$ B. $\frac{U\sqrt{2}}{\omega L}$ C. $\frac{U}{\omega L}$ D. $\sqrt{2}U\omega L$

Câu 26: Một con lắc lò xo dao động với phương trình $x = A \cos\left(4\pi t + \frac{\pi}{3}\right)$ cm (t tính bằng giây). Tại thời điểm $t=0$, vật nặng có li độ bằng

- A. $-\frac{A\sqrt{3}}{2}$ B. $\frac{A}{2}$ C. $\frac{A\sqrt{3}}{2}$ D. $-\frac{A}{2}$

Câu 27: Trong thí nghiệm giao thoa ánh sáng dùng khe I-âng, khoảng cách 2 khe $a = 1$ mm, khoảng cách hai khe tới màn $D = 2$ m. Chiều bằng sáng trắng có bước sóng thỏa mãn $0,39 \mu\text{m} \leq \lambda \leq 0,76 \mu\text{m}$. Khoảng cách gần nhất từ nơi có hai vạch màu đơn sắc khác nhau trùng nhau đến vân sáng trung tâm ở trên màn là

- A. 1,64mm B. 2,34 mm C. 2,40 mm D. 3,24 mm

Câu 28: Trong thí nghiệm I-âng về giao thoa ánh sáng, nguồn sáng phát đồng thời hai bức xạ đơn sắc, trong đó bức xạ màu đỏ có bước sóng 720 nm và bức xạ màu lục có bước sóng λ (có giá trị trong khoảng từ 500 nm đến 575 nm). Trên màn quan sát, giữa hai vân sáng gần nhau nhất và cùng màu với vân sáng trung tâm có 8 vân sáng màu lục. Giá trị của λ là

- A. 540 nm. B. 520 nm. C. 560 nm. D. 500 nm.

Câu 29: Hai dây dẫn thẳng, dài vô hạn trùng với hai trục tọa độ vuông góc xOy, có các dòng điện $I_1 = 2$ A, $I_2 = 5$ A chạy qua cùng chiều với chiều dương của các trục tọa độ. Cảm ứng từ tại điểm A có tọa độ $x = 2$ cm, $y = 4$ cm là

- A. $8 \cdot 10^{-5}$ T. B. $2 \cdot 10^{-5}$ T. C. 10^{-5} T. D. $4 \cdot 10^{-5}$ T.

Câu 30: Trong thí nghiệm I-âng về giao thoa ánh sáng, hai khe cách nhau $a = 0,5$ mm được chiếu sáng bằng ánh sáng đơn sắc. Khoảng cách từ hai khe đến màn quan sát là 2 m. Trên màn quan sát, trong vùng giữa hai điểm M và N mà $MN = 2$ cm, người ta đếm được có 10 vân tối và thấy tại M và N đều là vân sáng. Bước sóng của ánh sáng đơn sắc dùng trong thí nghiệm này là

- A. $0,5 \mu\text{m}$. B. $0,7 \mu\text{m}$. C. $0,6 \mu\text{m}$. D. $0,4 \mu\text{m}$.

Câu 31: Một con lắc lò xo thẳng đứng gồm lò xo nhẹ có độ cứng $k=25\text{N/m}$ một đầu được gắn với hòn bi nhỏ có khối lượng $m=100\text{g}$. Khi vật đang ở vị trí cân bằng, tại thời điểm $t=0$ người ta thả cho con lắc rơi tự do sao cho trục của lò xo luôn nằm theo phương thẳng đứng và vật nặng ở phía dưới lò xo. Đến thời điểm $t_1=0,1\text{s}$ thì đầu trên của lò xo được giữ cố định. Lấy $g=10 \approx \pi^2 \text{ m/s}^2$. Bỏ qua ma sát, lực cản. Tốc độ của hòn bi tại thời điểm $t_2=t_1+0,1\text{s}$ gần nhất với giá trị nào sau đây?

- A. 60 cm/s B. 100 cm/s C. 90 cm/s D. 120 cm/s

Câu 32: Một sóng cơ hình sin truyền trên trục Ox theo chiều từ O đến M rồi đến N với bước sóng $\lambda = 4\text{cm}$, phương trình dao động của phần tử tại O là $u_o = 4 \cos 20\pi t$ (t tính bằng s). Hai điểm M và N nằm trên trục Ox ở cùng một phía so với O và đã có sóng truyền qua. Biết $MN=1\text{cm}$. Tại thời điểm t_1 , M đang là đỉnh sóng, tại thời điểm $t_2=t_1 + \frac{1}{30}$ s tốc độ của phần tử tại N là

- A. $20\pi \text{ cm/s}$ B. $80\pi \text{ cm/s}$ C. $40\pi\sqrt{3} \text{ cm/s}$ D. $40\pi \text{ cm/s}$

Câu 33: Đặt điện áp xoay chiều $u = 220\sqrt{2} \cos\left(100\pi t + \frac{\pi}{6}\right)$ V (t tính bằng s) vào hai đầu mạch điện gồm điện trở thuần $R=100\Omega$, cuộn cảm thuần L và tụ điện C ghép nối tiếp. Tại thời điểm $t = \frac{1}{600}$ s điện áp hai đầu tụ điện có giá trị bằng không. Công suất tiêu thụ của đoạn mạch là

- A. 484W B. 121W C. 242W D. 363W

Câu 34: Trong thí nghiệm giao thoa sóng ở mặt nước, hai nguồn kết hợp đặt tại hai điểm A và B dao động cùng pha theo phương thẳng đứng với tần số $f = 25$ Hz. Trên đoạn thẳng AB , khoảng cách giữa một điểm cực đại và một điểm cực tiểu giao thoa liên tiếp là 1 cm. Sóng truyền trên mặt nước có tốc độ là

- A. 2,0 m/s. B. 0,4 m/s. C. 2,5 m/s. D. 1,0 m/s.

Câu 35: Điện năng được truyền từ nhà máy điện đến nơi tiêu thụ bằng đường dây tải điện một pha. Biết công suất của nhà máy điện không đổi, hệ số công suất của mạch điện bằng 1. Ban đầu điện áp truyền đi bằng U thì công suất hao phí trên đường dây bằng 20% công suất ở nơi tiêu thụ. Vào giờ cao điểm công suất tải tiêu thụ tăng thêm 10% thì phải tăng điện áp hiệu dụng nơi phát lên

- A. 1,41 lần. B. 1,73 lần. C. 4,03 lần D. 2,13 lần.

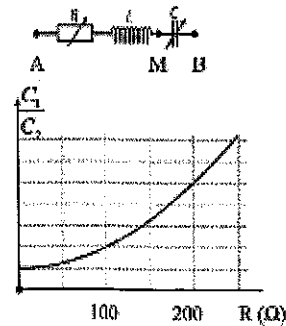
Câu 36: Hai điểm sáng dao động trên cùng một đường thẳng, xung quanh vị trí cân bằng chung O , với phương trình dao động lần lượt là $x_1 = 8 \cos\left(\omega t - \frac{\pi}{6}\right)$ cm và $x_2 = 4\sqrt{3} \cos\left(\omega t - \frac{\pi}{3}\right)$ cm. Khoảng cách giữa hai điểm sáng khi chúng có cùng giá trị vận tốc là

- A. 14,9 cm B. $4\sqrt{13}$ cm C. 4 cm D. 1,1 cm

Câu 37: Một nguồn âm điểm đặt tại O phát âm ra môi trường đẳng hướng, không hấp thụ và không phản xạ âm. Biết mức cường độ âm tại điểm A có giá trị 40 dB. Tăng công suất nguồn âm lên gấp đôi thì mức cường độ âm tại trung điểm của OA có giá trị là

- A. 49 dB B. 46 dB C. 43 dB D. 80 dB

Câu 38: Đặt điện áp xoay chiều có giá trị hiệu dụng và tần số không đổi vào hai đầu đoạn mạch AB , trong đó R là biến trở, cuộn cảm thuần có hệ số tự cảm L , tụ điện có điện dung C thay đổi được. Khi $C=C_1$ thì điện áp hai đầu đoạn mạch AM không phụ thuộc vào giá trị của biến trở R , khi $C=C_2$ thì điện áp hiệu dụng giữa hai đầu đoạn mạch MB đạt giá trị cực đại. Hình bên là đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của tỉ số $\frac{C_1}{C_2}$ theo R . Giá trị của cảm kháng Z_L là



- A. 200Ω B. 150Ω
C. 100Ω D. 50Ω

Câu 39: Một con lắc lò xo treo thẳng đứng $m=100$ g, $k=100$ N/m. Từ vị trí cân bằng giữ vật để lò xo giãn 5cm theo phương thẳng đứng rồi thả nhẹ, con lắc dao động điều hòa. Lấy $g=10$ m/s², mốc tính thế năng ở vị trí cân bằng. Cơ năng của con lắc là

- A. 8 mJ. B. 12,5 mJ. C. 0,125 J. D. 0,08 J

Câu 40: Một sợi dây dài 40 cm đang có sóng dừng ngoài hai đầu dây cố định trên dây còn có 3 điểm khác đứng yên, tần số dao động của sóng trên dây là 25 Hz. Biết trong quá trình dao động tại thời điểm sợi dây duỗi thẳng thì tốc độ của điểm bụng khi đó là $1,5\pi$ m/s. Gọi x, y lần lượt là khoảng cách lớn nhất và nhỏ nhất giữa hai phần tử dây tại hai điểm bụng gần nhau nhất trong quá trình dao động. Tỉ số $\frac{x}{y}$ bằng

- A. 1,56 B. 1,17 C. 1,04 D. 1,42

.....HẾT.....

Mã đề thi
101

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu và bảng hệ thống tuần hoàn)

Họ, tên thí sinh:..... SBD:

- Câu 41:** Hai hợp chất hữu cơ nào sau đây là đồng phân của nhau?
A. amilozơ và amilopectin. B. vinyl axetat và metyl acrylat.
C. anilin và alanin. D. etyl aminoaxetat và axit α -aminopropionic.
- Câu 42:** Phương trình hóa học nào sau đây đúng?
A. $\text{CO} + \text{MgO} \xrightarrow{t} \text{Mg} + \text{CO}_2$. B. $\text{Cu} + 2\text{AgNO}_3 \rightarrow \text{Cu}(\text{NO}_3)_2 + 2\text{Ag}$.
C. $\text{Fe} + \text{MgSO}_4 \rightarrow \text{FeSO}_4 + \text{Mg}$. D. $2\text{Na} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{Na}_2\text{O} + \text{H}_2$.
- Câu 43:** Để phân biệt các dung dịch: CaCl_2 , HCl , $\text{Ca}(\text{OH})_2$ dùng dung dịch ?
A. NaNO_3 B. NaOH C. NaCl D. NaHCO_3
- Câu 44:** Trong không khí chứa nhiều nhất khí nào sau đây?
A. NH_3 . B. O_2 . C. N_2 . D. CO_2 .
- Câu 45:** Cho 15 gam hỗn hợp X gồm KHCO_3 và CaCO_3 vào dung dịch HCl (dư), thể tích khí (đktc) thu được là
A. 2,24. B. 4,48. C. 3,36. D. 1,12.
- Câu 46:** Cho dãy các ion kim loại: Na^+ , Al^{3+} , Fe^{2+} , Cu^{2+} . Ở cùng điều kiện, ion có tính oxi hóa mạnh nhất trong dãy là
A. Fe^{2+} B. Cu^{2+} C. Na^+ D. Al^{3+}
- Câu 47:** Polime X được sinh ra bằng cách trùng hợp $\text{CH}_2=\text{CH}_2$. Tên gọi của X là
A. polietilen. B. tơ olon. C. poli(vinyl clorua). D. tơ nilon-6.
- Câu 48:** Để điều chế kim loại kiềm người ta dùng phương pháp
A. điện phân dung dịch B. điện phân nóng chảy
C. nhiệt luyện D. thủy luyện
- Câu 49:** Chất nào sau đây tác dụng được với dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$?
A. Benzen. B. Propin. C. Etilen. D. Metan.
- Câu 50:** Cho 8,6 gam hỗn hợp X gồm Cu , Cr , Fe nung nóng trong oxi (dư) đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 11,8 gam hỗn hợp Y. Để tác dụng hết các chất có trong Y cần V lít dung dịch HCl 2,0M. Giá trị của V là
A. 0,20 lít. B. 0,10 lít. C. 0,15 lít. D. 0,25 lít.
- Câu 51:** Axit nào sau đây có công thức $\text{C}_{15}\text{H}_{31}\text{COOH}$?
A. Axit panmitic B. Axit stearic C. Axit axetic D. Axit oleic
- Câu 52:** Một loại nước cứng có chứa các ion: Ca^{2+} , Mg^{2+} , Cl^- và SO_4^{2-} . Hóa chất nào trong số các chất sau đây có thêm làm mềm loại nước cứng trên
A. K_2CO_3 . B. NaCl C. NaOH D. KNO_3
- Câu 53:** Một mẫu khí thải được sục vào dung dịch CuSO_4 , thấy xuất hiện kết tủa màu đen. Hiện tượng này do trong khí thải có ?
A. CO_2 . B. NO_2 . C. SO_2 . D. H_2S .
- Câu 54:** Kim loại Al không phản ứng với chất nào sau đây trong dung dịch :
A. $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$ B. HCl C. MgCl_2 D. CuSO_4
- Câu 55:** Cho kim loại Ba dư vào dung dịch $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$, thu được sản phẩm có:
A. Một chất khí và hai chất kết tủa. B. Một chất khí và không chất kết tủa.
C. Một chất khí và một chất kết tủa. D. Hỗn hợp hai chất khí.

- Câu 56:** Đun nóng dung dịch chứa 27 gam glucozo với lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 , đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được m gam Ag. Giá trị của m là
A. 16,2 B. 10,8 C. 32,4 D. 21,6
- Câu 57:** Ở thí nghiệm nào sau đây Fe chỉ bị ăn mòn hóa học?
A. Cho đinh Fe vào dung dịch AgNO_3 B. Cho hợp kim Fe-Cu vào dung dịch HCl
C. Để mẫu gang lâu ngày trong không khí ẩm D. Đốt cháy dây sắt trong không khí khô
- Câu 58:** Oxit nào sau đây là oxit lưỡng tính :
A. CrO . B. Cr_2O_3 . C. Fe_2O_3 . D. MgO .
- Câu 59:** Khí CO khử được oxit nào sau đây ở nhiệt độ cao?
A. MgO . B. Al_2O_3 . C. CuO . D. Na_2O .
- Câu 60:** Chất rắn kết tinh, nhiệt độ nóng chảy cao, dễ tan, là tính chất của chất nào sau đây?
A. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{CH}_2\text{COOH}$ B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ D. CH_3COOH
- Câu 61:** Chất nào sau đây phản ứng với $\text{Cu}(\text{OH})_2/\text{NaOH}$ tạo dung dịch màu tím ?
A. Anbumin. B. Glucozơ. C. Glyxyl alanin. D. Axit axetic.
- Câu 62:** Nhận xét nào sau đây không đúng?
A. Nhôm và Crom tác dụng với HCl đều có cùng tỷ lệ mol (kim loại với axit) là 1: 3.
B. Cho kim loại Fe (dư) vào dung dịch AgNO_3 thu được muối Fe^{2+} .
C. Cho Al^{3+} tác dụng với dung dịch NaOH (dư) không thu được kết tủa.
D. Cho Cu^{2+} tác dụng với dung dịch NH_3 (dư) không thu được kết tủa.
- Câu 63:** Hỗn hợp X gồm $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, HCHO , CH_3COOH , HCOOCH_3 , $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$, $\text{CH}_3\text{CH}(\text{OH})\text{COOH}$ và $\text{CH}_2\text{OHCH}(\text{OH})\text{CHO}$. Đốt cháy hoàn toàn 13,8 gam X cần dùng vừa đủ 12,04 lít O_2 (đktc), thu được CO_2 và 9 gam H_2O . Thành phần phần trăm theo khối lượng của $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ trong X là:
A. 24,92% B. 31,16% C. 15,58% D. 12,46%

Câu 64: Kết quả thí nghiệm của các hợp chất hữu cơ A, B, C, D, E như sau:

Mẫu thử	Thuốc thử	Hiện tượng
A	Dung dịch AgNO_3 trong môi trường NH_3 đun nóng	Kết tủa Ag trắng sáng
B	$\text{Cu}(\text{OH})_2$ trong môi trường kiềm, đun nóng	Kết tủa Cu_2O đỏ gạch
C	$\text{Cu}(\text{OH})_2$ ở nhiệt độ thường	Dung dịch xanh lam
D	Nước Br_2	Mất màu dung dịch Br_2
E	Quỳ tím	Hóa xanh

Các chất A, B, C, D, E lần lượt là:

- A. Metanal, glucozơ, axit metanoic, fructozơ, metyl amin.
B. Metanal, metyl fomat, axit metanoic, metyl amin, glucozơ.
C. Metyl fomat, etanal, axit metanoic, glucozơ, metyl amin.
D. Etanal, axit etanoic, metyl axetat, phenol, etyl amin.
- Câu 65:** Nhúng quỳ tím lần lượt vào các dung dịch chứa các chất riêng biệt sau: (1) metyl amin; (2) lysin; (3) amoniac; (4) natri hidroxit. Số dung dịch làm quỳ tím hóa xanh là
A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.
- Câu 66:** Tiến hành các thí nghiệm sau:
(a) Cho Mg vào dung dịch $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$ dư.
(b) Sục khí H_2S vào dung dịch FeCl_3
(c) Cho dung dịch KHSO_4 vào dung dịch $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$
(d) Cho K dư vào dung dịch $\text{Ca}(\text{H}_2\text{PO}_4)_2$
(e) Cho dung dịch $(\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$ vào dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$
- Số thí nghiệm thu được kết tủa là :
A. 3 B. 2 C. 5 D. 4

Câu 67: Cho m gam P_2O_5 vào 1 lít dung dịch X gồm $NaOH$ 0,2M và KOH 0,3M. Sau khi phản ứng kết thúc cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được 35,4 gam hỗn hợp muối. Giá trị của m là:

- A. 28,4 B. 14,2 C. 21,3 D. 7,1.

Câu 68: Cho các phát biểu sau:

- (1) Hidro hóa hoàn toàn glucozơ cũng như fructozơ thu được axit gluconic.
- (2) Glucozơ, fructozơ là nhóm cacbohidrat đơn giản nhất không thủy phân được.
- (3) Thủy phân đến cùng xenlulozơ trong môi trường axit tạo ra nhiều phân tử monosaccarit.
- (4) Trong phân tử saccarozơ gốc α -glucozơ và gốc β -glucozơ liên kết với nhau qua nguyên tử oxi.
- (5) Tinh bột là chất rắn vô định hình, màu trắng, ở điều kiện thường không tan trong nước.
- (6) Phân tử amilozơ và amilopectin có cấu trúc mạch phân nhánh.

Số phát biểu đúng là.

- A. 5 B. 4 C. 6 D. 3

Câu 69: Tiến hành các thí nghiệm sau:

- (a) Cho dung dịch $AgNO_3$ vào dung dịch HCl .
- (b) Cho Al_2O_3 vào dung dịch HCl loãng dư
- (c) Cho Cu vào dung dịch HCl đặc, nóng dư
- (d) Cho $Ba(OH)_2$ vào dung dịch $KHCO_3$

Sau khi kết thúc các phản ứng, số thí nghiệm thu được chất rắn là

- A. 2 B. 1 C. 4 D. 3

Câu 70: Hỗn hợp X gồm amin đơn chức và O_2 có tỷ lệ mol 2 : 9. Đốt cháy hoàn toàn amin bằng O_2 sau đó sản phẩm cháy qua dung dịch $NaOH$ đặc, dư, khí thoát ra có tỷ khối so với H_2 là 15,2. Vậy công thức của amin là:

- A. C_2H_5N B. C_3H_9N C. CH_5N D. C_2H_7N

Câu 71: Cho dãy các chất: metan, etin, eten, etanol, axit etanoic, axit propenoic, benzen, alanin, phenol, triolein. Số chất trong dãy là mất màu dung dịch brom là

- A. 6 B. 8 C. 7 D. 5.

Câu 72: Hỗn hợp X gồm axit glutamic và lysin tác dụng với dung dịch chứa 0,5 mol $NaOH$, thêm tiếp 250 mL dung dịch H_2SO_4 2M vào thì thấy phản ứng xảy ra vừa đủ, cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được 103,9 gam muối. Phần trăm khối lượng của lysin trong X là:

- A. 33,49%
B. 66,51%
C. 66,97%
D. 33,26%

Câu 73: Hỗn hợp khí X gồm CH_4 , C_2H_2 , C_2H_4 , C_3H_6 và 0,3 mol H_2 . Đun nóng X với bột Ni một thời gian, thu được hỗn hợp khí Y có tỉ khối so với He bằng 5. Đốt cháy hoàn toàn Y, thu được 20,16 lít CO_2 (đktc) và 23,4 gam H_2O . Sục Y vào dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 dư, thu được m gam kết tủa và hỗn hợp khí Z. Khí Z phản ứng vừa đủ với 300 ml dung dịch Br_2 0,5M. Giá trị của m là:

- A. 14,4 B. 12,0 C. 16,8 D. 18,0

Câu 74: Cho m gam hỗn hợp gồm Na , Na_2O , Ba , BaO vào lượng nước dư, thu được dung dịch X và a mol khí H_2 . Sục khí CO_2 đến dư vào dung dịch X, phản ứng được biểu diễn theo đồ thị sau:

Khối lượng kết tủa



Giá trị m là.

- A. 22,4 gam B. 24,1 gam C. 24,2 gam D. 21,4 gam

Câu 75: Hỗn hợp E gồm peptit X, peptit Y đều mạch hở có tỉ lệ mol tương ứng là 6 : 5 và este Z có công thức phân tử là $C_4H_9NO_2$. Đốt cháy hoàn toàn 49,565 gam E thì thu được khối lượng CO_2 nhiều hơn khối lượng H_2O là 48,765 gam. Mặt khác 49,565 gam E tác dụng vừa đủ với dung dịch $NaOH$, sau phản ứng 14,72 gam ancol T và 55,255 gam muối của glyxin và valin. Khối lượng phân tử của X là:

- A. 273đvC. B. 231đvC. C. 345 đvC. D. 315đvC.

Câu 76: Đốt cháy 16,8 gam bột Fe trong V lít (đktc) hỗn hợp khí gồm Cl_2 và O_2 , thu được hỗn hợp rắn X gồm các oxit và muối (không thấy khí thoát ra). Hòa tan X trong 480 ml dung dịch HCl 1M, thu được dung dịch Y. Cho dung dịch $AgNO_3$ dư vào Y, thấy thoát ra 0,03 mol khí NO (sản phẩm khử duy nhất của N^{+5}), đồng thời thu được 132,39 gam kết tủa. Giá trị của V là.

- A. 6,272 lít B. 7,168 lít C. 6,720 lít D. 5,600 lít

Câu 77: Đốt cháy hết 5,64 gam hỗn hợp X gồm 1 axit đơn chức, 1 ancol đơn chức và este tạo bởi chúng thu được 11,88 gam CO_2 và 4,32 gam H_2O . Nếu lấy cùng lượng hỗn hợp trên tác dụng vừa đủ với 250 ml dung dịch $NaOH$ 0,2 M. Dung dịch sau phản ứng đun nóng thu được 0,896 lít hơi ancol (đktc) và 4,7 gam muối khan Y. Trong số các phát biểu sau:

- (a) % về số mol của axit trong hỗn hợp X là 42,86%.
- (b) Có 2 đồng phân este thỏa mãn đề ra.
- (c) % về số khối lượng của este trong hỗn hợp là 40,43%.
- (d) Khi nung muối Y với $NaOH/CaO$ thu được eten.
- (e) 5,64 gam hỗn hợp X phản ứng tối đa với 0,05 mol Br_2 .

Số phát biểu đúng là:

- A. 4 B. 5 C. 2 D. 3

Câu 78: Hỗn hợp X gồm anđehit Y, axit cacboxylic Z và este T (Z và T là đồng phân). Đốt cháy hoàn toàn 0,2 mol X cần 0,625 mol O_2 , thu được 0,525 mol CO_2 và 0,525 mol nước. Cho một lượng Y vừa bằng lượng Y có trong 0,2 mol X tác dụng với một lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 , đun nóng, sau phản ứng được m gam Ag (hiệu suất phản ứng 100%). Giá trị của m là:

- A. 21,6 B. 16,2 C. 32,4 D. 64,8.

Câu 79: Tiến hành điện phân dung dịch chứa $NaCl$ và 0,15 mol $Cu(NO_3)_2$ bằng điện cực trơ, màng ngăn xốp với cường độ dòng điện không đổi $I = 5A$ trong thời gian 6562 giây thì dừng điện phân, thấy khối lượng dung dịch giảm 15,11 gam. Dung dịch sau điện phân hòa tan tối đa m gam bột Fe, phản ứng tạo ra khí NO (sản phẩm khử duy nhất của N^{+5}). Giá trị m là.

- A. 2,80 gam B. 3,36 gam C. 5,04 gam D. 4,20 gam

Câu 80: Hòa tan hoàn toàn 21,5 gam hỗn hợp X gồm Al, Zn, FeO, $Cu(NO_3)_2$ cần dùng hết 430 ml dung dịch H_2SO_4 1M thu được hỗn hợp khí Y (đktc) gồm 0,06 mol NO và 0,13 mol H_2 , đồng thời thu được dung dịch Z chỉ chứa các muối sunfat trung hòa. Cô cạn dung dịch Z thu được 56,9 gam muối khan. Thành phần phần trăm của Al trong hỗn hợp X có giá trị gần nhất là:

- A. 25,5% B. 18,5% C. 20,5% D. 22,5%

----- HẾT -----

(Đề có 4 trang)

Họ tên : Lớp :

Mã đề 101

Câu 81: Bảng chứng tiến hóa nào sau đây là bằng chứng sinh học phân tử?

- A. Prôtêin của các loài sinh vật đều cấu tạo từ 20 loại axit amin.
B. Xương tay của người tương đồng với cấu trúc chi trước của mèo.
C. Tất cả các loài sinh vật đều được cấu tạo từ tế bào.
D. Xác sinh vật sống trong các thời đại trước được bảo quản trong các lớp băng.

Câu 82: Loại biến dị nào sau đây là biến dị không di truyền?

- A. Đột biến lệch bội. B. Đột biến đa bội. C. Đột biến gen. D. Thường biến.

Câu 83: Một phân tử ADN mạch kép có tỷ lệ $\frac{A+T}{G+X} = \frac{5}{3}$, khi phân tử này nhân đôi liên tiếp 3 lần, tỷ lệ các

- loại nucleotit mỗi trường nội bào cung cấp cho quá trình nhân đôi của gen là
A. A = T = 18,75%; G = X = 31,25%. B. A + T = 31,25%; G + X = 18,75%.
C. A + T = 18,75%; G + X = 31,25%. D. A = T = 31,25%; G = X = 18,75%.

Câu 84: Chỉ số nào sau đây phản ánh mật độ của quần thể?

- A. Tỷ lệ đực/cái. B. Tỷ lệ các nhóm tuổi.
C. Lượng cá thể được sinh ra. D. Tổng số cá thể/điện tích môi trường.

Câu 85: Tháp sinh thái nào sau đây luôn có đáy rộng, đỉnh hẹp.

- A. Tháp năng lượng. B. Tháp khối lượng.
C. Tháp số lượng. D. Tháp năng lượng và khối lượng.

Câu 86: Những nhóm động vật nào sau đây có hệ tuần hoàn kép?

- A. Lưỡng cư, bò sát, sấu bọ. B. Cá, thú, giun đất.
C. Lưỡng cư, chim, thú. D. Chim, thú, sấu bọ.

Câu 87: Khi nói về đột biến nhiễm sắc thể, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Đột biến lệch bội xảy ra phổ biến ở động vật, ít gặp ở thực vật.
B. Thể đột biến tam bội thường không có khả năng sinh sản hữu tính.
C. Đột biến mất đoạn nhiễm sắc thể thường không làm thay đổi hình thái nhiễm sắc thể.
D. Đột biến đảo đoạn nhiễm sắc thể thường không làm thay đổi cấu trúc nhiễm sắc thể.

Câu 88: Trong 1 thí nghiệm, người ta xác định được lượng nước thoát ra và lượng nước hút vào của mỗi cây cùng một đơn vị thời gian theo bảng sau:

Cây	A	B	C	D
Lượng nước hút vào	24	31	32	30
Lượng nước thoát ra	26	29	34	33

Theo lý thuyết cây nào không bị héo?

- A. Cây A. B. Cây A. C. Cây C. D. B. Cây D.

Câu 89: Loại phân tử nào sau đây mang bộ ba đối mã?

- A. rARN. B. mARN. C. tARN. D. ADN.

Câu 90: Khi nói về các gen nằm trên một nhiễm sắc thể, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Di truyền phân li độc lập với nhau.
B. Luôn cùng quy định một tính trạng.
C. Di truyền cùng nhau theo từng nhóm liên kết.
D. Là những gen cùng alen với nhau.

Câu 91: Dòng tế bào sinh dưỡng của loài A có kiểu gen AABBDd, dòng tế bào sinh dưỡng của loài B có kiểu gen: EEHhNn. Tiến hành lai tế bào sinh dưỡng giữa 2 dòng này (Sự lai chỉ diễn ra giữa một tế bào của dòng A với một tế bào của dòng B). Tế bào lai sẽ có kiểu gen:

- A. ABDEHN. B. AEBHDN.
C. AABBDDEEHHNN. D. ABDEEHHNN.

Câu 92: Ở thủy tức, thức ăn được tiêu hóa bằng hình thức

- A. Tiêu hóa ngoại bào. B. Một số tiêu hóa nội bào, còn lại tiêu hóa ngoại bào.
C. Tiêu hóa nội bào và ngoại bào. D. Tiêu hóa nội bào.

Câu 93: Một đoạn phân tử ADN mang thông tin quy định cấu trúc của một loại tARN được gọi là

- A. bộ ba đối mã. B. mã di truyền. C. gen. D. axit amin.

Câu 94: Tâm động của NST có chức năng nào sau đây?

- A. Là nơi để NST bắt đầu tiến hành quá trình nhân đôi ADN.
B. Là nơi để các ge bắt đầu tiến hành phiên mã.
C. Là nơi để bảo vệ NST, không cho các NST dính vào nhau.
D. Là nơi để NST bám lên thoi vô sắc, giúp NST di chuyển về 2 cực tế bào.

Câu 95: Một gen có 300T và 500X. Gen có bao nhiêu liên kết hidro?

- A. 800. B. 2100. C. 1900. D. 1600.

Câu 96: Người ta tiến hành thí nghiệm đánh dấu ôxi phóng xạ (O^{18}) vào phân tử glucôzơ. Sau đó sử dụng phân tử glucôzơ này làm nguyên liệu hô hấp thì ôxi phóng xạ sẽ được tìm thấy ở sản phẩm nào sau đây của quá trình hô hấp?

- A. CO_2 . B. NADH. C. H_2O . D. ATP.

Câu 97: Một quần thể tự thụ phấn, thế hệ P có tỉ lệ kiểu gen 0,2AA : 0,8Aa. Ở F_3 , kiểu gen Aa chiếm tỉ lệ bao nhiêu?

- A. 0,4. B. 0,125. C. 0,2. D. 0,1.

Câu 98: Sử dụng phép lai nào sau đây có thể xác định được kiểu gen của cơ thể mang kiểu hình trội?

- A. Lai thuận nghịch. B. Lai phân tích. C. Lai khác dòng. D. Lai khác loài.

Câu 99: Một đột biến có hại và chỉ sau một thế hệ đã bị chọn lọc tự nhiên loại ra khỏi quần thể thì nó là

- A. đột biến gen lặn. B. đột biến gen trội.
C. đột biến gen đa alen. D. đột biến gen ở tế bào chất.

Câu 100: Kiểu gen AaBbddEE giảm phân không xảy ra đột biến thì sẽ sinh ra tối đa bao nhiêu loại giao tử?

- A. 16. B. 4. C. 2. D. 8.

Câu 101: Khi nói về quan hệ cạnh tranh giữa các cá thể sinh vật trong tự nhiên, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Khi mật độ cá thể của quần thể vượt quá sức chịu đựng của môi trường, các cá thể cạnh tranh với nhau làm giảm khả năng sinh sản.
II. Cạnh tranh là đặc điểm thích nghi của quần thể. Nhờ có cạnh tranh mà số lượng và sự phân bố các cá thể trong quần thể duy trì ở mức độ phù hợp, đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của quần thể.
III. Cạnh tranh cùng loài, ăn thịt đồng loại giữa các cá thể trong quần thể là những trường hợp gây ra sự chọn lọc tự nhiên.
IV. Khi mật độ cao và nguồn sống khan hiếm, các cá thể cùng loài có khuynh hướng cạnh tranh nhau để giành thức ăn, nơi ở, nơi sinh sản.

- A. 3. B. 1. C. 2. D. 4.

Câu 102: Khi nói về đột biến gen, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Một gen có nhiều alen nếu bị đột biến 10 lần thì sẽ tạo ra tối đa 10 alen mới.
II. Đột biến điểm làm thay đổi chiều dài của gen thì luôn dẫn tới làm thay đổi tổng liên kết hidro của gen.
III. Đột biến làm tăng chiều dài của gen thì luôn dẫn tới làm tăng tổng số axit amin trong chuỗi polipeptit.
IV. Đột biến xảy ra ở vùng mã hóa của gen và không làm thay đổi cấu trúc của chuỗi polipeptit thì sẽ là đột biến trung tính.

- A. 4. B. 1. C. 3. D. 2.

Câu 103: Cho biết trong quá trình giảm phân của cơ thể đực có 6% số tế bào có cặp NST mang cặp gen Aa không phân li trong giảm phân I, giảm phân II diễn ra bình thường, các tế bào khác giảm phân bình thường. Trong quá trình giảm phân của cơ thể cái có 20% số tế bào có cặp NST mang cặp gen Bb không phân li trong giảm phân II, giảm phân I diễn ra bình thường, các tế bào khác giảm phân bình thường. Ở đời con của phép lai ♂AaBb × ♀AaBb, hợp tử đột biến dạng thể một kép chiếm tỉ lệ

- A. 0,72%. B. 0,3%. C. 26%. D. 0,18%.

Câu 104: Cho biết A quy định thân cao trội hoàn toàn so với a quy định thân thấp; B quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với b quy định hoa trắng, quá trình giảm phân không xảy ra hiện tượng đột biến, 2 cặp gen nằm trên 2 cặp nhiễm sắc thể thường phân li độc lập nhau. Theo lý thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Cho 2 cây thân cao, hoa đỏ giao phấn với nhau sẽ có tối đa 10 sơ đồ lai.
II. Cho 1 cây thân cao, hoa đỏ tự thụ phấn, sẽ có tối đa 9 sơ đồ lai.
III. Cho 2 cây giao phấn với nhau, thu được F_1 có tỉ lệ kiểu hình là 3:3:1:1 sẽ có tối đa 2 sơ đồ lai phù hợp.
IV. Cho 2 cây giao phấn, thu được F_1 có tỉ lệ kiểu hình là 1:1, có tối đa 12 sơ đồ lai phù hợp.

- A. 1. B. 2. C. 4. D. 3.

Câu 105: Trong điều kiện không phát sinh đột biến, mỗi cặp gen quy định một cặp tính trạng và alen trội là trội hoàn toàn. Ở phép lai AaBbDd × AaBbDd, thu được F_1 . Theo lý thuyết, ở F_1 , loại kiểu gen AaBbdd chiếm tỉ lệ

- A. 1/8. B. 1/32. C. 1/16. D. 3/16.

Câu 106: Ở ruồi giấm, xét hai gen A và B cùng nằm trên một nhiễm sắc thể và cách nhau 10cM, trong đó A quy định thân xám trội hoàn toàn so với a quy định thân đen; B quy định cánh dài trội hoàn toàn so với b quy định cánh cụt. Gen D nằm trên NST giới tính X, trong đó D quy định mắt đỏ trội hoàn toàn so với d quy định mắt trắng. Biết không xảy ra đột biến. Theo lý thuyết, có bao nhiêu phép lai sau đây cho đời con có kiểu hình đực thân xám, cánh dài, mắt trắng chiếm 25%?

- I. $\frac{AB}{aB}X^{DY} \times \frac{ab}{aB}X^{DY}$ II. $\frac{Ab}{aB}X^{DY} \times \frac{AB}{aB}X^{dY}$ III. $\frac{AB}{aB}X^{DY} \times \frac{Ab}{aB}X^{dY}$ IV. $\frac{AB}{aB}X^{dY} \times \frac{ab}{aB}X^{DY}$

- A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.

Câu 107: Một quần thể động vật, ban đầu có 20000 cá thể. Quần thể này có tỷ lệ sinh là 10%/năm, tỷ lệ tử vong là 7%/năm, tỷ lệ xuất cư là 1%/năm, tỷ lệ nhập cư là 2%/năm. Theo lý thuyết, sau 2 năm, quần thể sẽ có bao nhiêu cá thể?

- A. 20800. B. 21632. C. 20200. D. 21800.

Câu 108: Khi nói về tác động của các yếu tố ngẫu nhiên, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Có thể chỉ làm thay đổi tần số alen nhưng không làm thay đổi tần số kiểu gen của quần thể.
II. Làm giảm sự đa dạng di truyền của quần thể.
III. Có thể làm tăng tần số alen có lợi, giảm tần số alen có hại trong quần thể.

- IV. Có thể tạo ra alen mới làm tăng nguồn nguyên liệu của tiến hóa.
- A. 2. B. 1. C. 3. D. 4.
- Câu 109:** Nhân tố tiến hóa nào sau đây góp phần làm tăng tính đa dạng di truyền của quần thể?
- A. Các yếu tố ngẫu nhiên. B. Đột biến.
C. Giao phối không ngẫu nhiên. D. Chọn lọc tự nhiên.
- Câu 110:** Trong những hoạt động sau đây của con người, có bao nhiêu hoạt động góp phần vào việc sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên?
- I. Sử dụng tiết kiệm nguồn nước.
II. Xây dựng hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên.
III. Tăng cường sử dụng các phương tiện giao thông công cộng.
IV. Vận động đồng bào dân tộc sống định canh, định cư, tránh đốt rừng, làm nương rẫy.
- A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.

- Câu 111:** Trong một hệ sinh thái, trong các nhóm loài sinh vật sau đây, có bao nhiêu nhóm loài thuộc sinh vật phân giải?
- I. Các loài vi khuẩn phân giải xác chết của động, thực vật thành mùn cung cấp cho cây.
II. Các loài động vật ăn thực vật và bài tiết ra chất thải ra môi trường làm tăng độ phì nhiêu cho đất.
III. Các loài động vật ăn thịt sử dụng các loài động vật khác làm thức ăn và phân giải thức ăn thành chất thải.
IV. Các loài nấm sử dụng các nguyên liệu thực vật để sinh trưởng và phát triển.
V. Một số loài động vật không xương sống có khả năng sử dụng các chất mùn hữu cơ làm thức ăn và biến chất mùn hữu cơ thành các chất vô cơ.
- A. 4. B. 3. C. 2. D. 5.

- Câu 112:** Ở một loài thực vật, xét 2 tính trạng, mỗi tính trạng đều do một gen có 2 alen quy định, alen trội là trội hoàn toàn. Cho hai cây (P) đều có kiểu hình quả tròn, ngọt nhưng có kiểu gen khác nhau giao phấn với nhau, thu được F₁ gồm 4 loại kiểu hình phân li theo tỉ lệ: 54% cây quả tròn, chua; 21% cây quả tròn, ngọt; 4% cây quả dài, chua. Cho biết không xảy ra đột biến, quá trình phát sinh giao tử đực và giao tử cái đều xảy ra hoán vị gen với tần số bằng nhau. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?
- I. Xảy ra hoán vị gen với tần số 40%.
II. Ở F₁, kiểu gen dị hợp tử về một trong hai cặp gen chiếm 68%.
III. Ở F₁, có 4 loại kiểu gen quy định kiểu hình cây quả tròn, ngọt.
IV. Nếu lấy một cây (P) cho lai phân tích thì có thể sẽ thu được đời con có số cây quả dài, chua chiếm tỉ lệ 40%.
- A. 2. B. 4. C. 3. D. 1.

- Câu 113:** Cho biết A quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với a quy định hoa trắng, cơ thể tứ bội giảm phân chỉ sinh ra giao tử lưỡng bội có khả năng thụ tinh bình thường, không có đột biến xảy ra. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?
- I. Phép lai giữa hai cây tứ bội thu được đời con có tỉ lệ 3 cây hoa đỏ : 1 cây hoa trắng. Sẽ có tối đa 2 phép lai có kết quả như vậy.
II. Phép lai giữa hai cây tứ bội thu được đời con có tỉ lệ kiểu gen 1:2:1. Sẽ có tối đa 3 phép lai có kết quả như vậy.
III. Cho 2 cây tứ bội giao phấn ngẫu nhiên, thu được đời con có 100% cây hoa đỏ. Theo lí thuyết, có tối đa 9 sơ đồ lai cho kết quả như vậy.
IV. Cho 1 cây tứ bội tự thụ phấn, thu được đời con có 2 loại kiểu hình. Theo lí thuyết, có tối đa 2 sơ đồ lai cho kết quả như vậy.
- A. 3. B. 1. C. 2. D. 4.

- Câu 114:** Một gen có chiều dài 408nm và số nucleôtit loại A chiếm 20% tổng số nucleôtit l của gen. Trên mạch 1 của gen có 200T và số nucleôtit loại G chiếm 15% tổng số nucleôtit của mạch.
- Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?
- I. Tỉ lệ $\frac{G_1}{A_1 + T_1} = \frac{9}{57}$. II. Tỉ lệ $\frac{G_1 + T_1}{A_1 + X_1} = \frac{23}{57}$.
III. $\frac{A_1 + T_1}{G_1 + X_1} = \frac{3}{2}$. IV. $\frac{T + C}{A + X} = 1$.
- A. 2. B. 3. C. 1. D. 4.

- Câu 115:** Khi nói về độ đa dạng của quần xã sinh vật, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?
- I. Trong quá trình diễn thế sinh thái, độ đa dạng của quần xã thường bị thay đổi.
II. Các quần xã khác nhau thường có độ đa dạng khác nhau.
III. Quần xã sinh vật của hệ sinh thái nhân tạo thường có độ đa dạng cao hơn quần xã của hệ sinh thái tự nhiên.
IV. Nếu độ đa dạng của quần xã thay đổi thì sẽ làm thay đổi cấu trúc của mạng lưới dinh dưỡng trong quần xã.
- A. 3. B. 4. C. 2. D. 1.

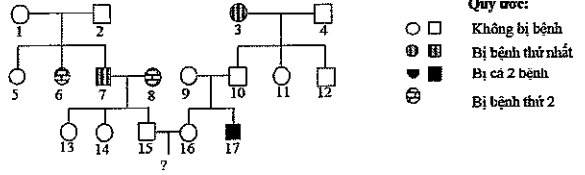
- Câu 116:** Ở một loài thực vật, tính trạng màu hoa do hai gen không alen (Aa và Bb) quy định. Tình trạng hình dạng quả do cặp Dd quy định. Các gen quy định các tính trạng nằm trên NST thường, mọi diễn biến trong giảm phân ở hai giới đều giống nhau. Cho giao phấn giữa 2 cây (P) đều có kiểu hình hoa đỏ, quả tròn, thu được F₁ có tỷ lệ: 44,25% hoa đỏ, quả tròn; 12% hoa đỏ, quả bầu dục; 26,75% hoa hồng, quả tròn; 10,75% hoa hồng, quả bầu dục; 4% hoa trắng, quả tròn; 2,25% hoa trắng, quả bầu dục. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. F₁ có tất cả 30 kiểu gen khác nhau về 2 tính trạng nói trên.
II. Các cây của P có kiểu gen giống nhau.
III. Hoán vị gen xảy ra ở cả hai giới với tần số 40%.
IV. Nếu lấy ngẫu nhiên một cây hoa đỏ, quả tròn F₁ thì xác suất thu được cây thuần chủng là 2,25%.
- A. 2. B. 3. C. 4. D. 1.
- Câu 117:** Một quần thể động vật giao phối, màu sắc cánh do 1 gen gồm 4 alen nằm trên nhiễm sắc thể thường quy định. Trong đó, alen A₁ quy định cánh đen trội hoàn toàn so với alen A₂, alen A₃ và alen A₄; Alen A₂ quy định cánh xám trội hoàn toàn so với alen A₃ và A₄; Alen A₃ quy định cánh vàng trội hoàn toàn so với alen A₄ quy định cánh trắng. Một quần thể đang ở trạng thái cân bằng di truyền có 64% con cánh đen; 20% con cánh xám; 12% con cánh vàng; 4% con cánh trắng. Biết không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?
- I. Ở trong quần thể này, số cá thể cánh xám thuần chủng nhiều hơn số cá thể cánh vàng thuần chủng.
II. Nếu chỉ có các cá thể cánh đen giao phối ngẫu nhiên, các cá thể còn lại không sinh sản thì sẽ thu được đời con có số cá thể cánh xám thuần chủng chiếm tỉ lệ là 1/64.
III. Nếu loại bỏ toàn bộ các cá thể cánh trắng, sau đó cho các cá thể còn lại giao phối ngẫu nhiên thì sẽ thu được đời con có số cá thể cánh đen thuần chủng chiếm tỉ lệ là 25/144.
IV. Nếu loại bỏ toàn bộ các cá thể cánh xám, sau đó cho các cá thể còn lại giao phối ngẫu nhiên thì sẽ thu được đời con có số cá thể cánh xám thuần chủng chiếm tỉ lệ là 1%.
- A. 1. B. 2. C. 4. D. 3.

- Câu 118:** Ở một loài thực vật, alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp, alen B quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen b quy định hoa trắng, alen D quy định quả tròn trội hoàn toàn so với alen d quy định quả dài. Lai hai cây (P) với nhau, thu được F₁ gồm 180 cây thân cao, hoa đỏ, quả tròn; 180 cây thân thấp, hoa đỏ, quả dài; 45 cây thân cao, hoa đỏ, quả dài; 45 cây thân thấp, hoa đỏ, quả tròn; 60 cây thân cao, hoa trắng, quả tròn; 60 cây thân thấp, hoa trắng, quả dài; 15 cây thân cao, hoa trắng, quả dài; 15 cây thân thấp, hoa trắng, quả tròn. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây phù hợp với dữ liệu trên?
- I. Gen quy định chiều cao thân và màu sắc hoa phân li độc lập với nhau.
II. Các gen quy định chiều cao thân và hình dạng quả liên kết hoàn toàn với nhau.
III. Trong hai cây P có một cây mang 3 cặp gen dị hợp.
IV. Trong hai cây P có một cây có kiểu hình thân thấp, hoa đỏ, quả dài.
- A. 4. B. 2. C. 3. D. 1.

- Câu 119:** Ở một loài thú, tính trạng màu mắt do một gen có 4 alen nằm trên nhiễm sắc thể thường quy định. Alen A₁ quy định mắt đen trội hoàn toàn so với các alen A₂, A₃, A₄; Alen A₂ quy định mắt đỏ trội hoàn toàn so với alen A₃, A₄; Alen A₃ quy định mắt vàng trội hoàn toàn so với alen A₄ quy định mắt trắng. Biết không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?
- I. Cho cá thể mắt đỏ giao phối với cá thể mắt trắng, thu được F₁ có tối đa 3 loại kiểu gen, 2 loại kiểu hình.
II. Cho 1 cá thể mắt đen giao phối với 1 cá thể mắt trắng, đời con có thể có tỉ lệ kiểu hình là 1 con mắt đen:1 con mắt đỏ.
III. Cho 1 cá thể mắt đen giao phối với 1 cá thể mắt đỏ, đời con có thể có tỉ lệ kiểu hình là 100% con mắt đen.
IV. Cho 1 cá thể mắt vàng giao phối với 1 cá thể mắt đỏ, đời con có thể có tỉ lệ kiểu hình là 3 con mắt đỏ:1 con mắt vàng.
- A. 1. B. 4. C. 3. D. 2.

- Câu 120:** Phả hệ dưới đây mô tả hai bệnh di truyền phân li độc lập với nhau, mỗi bệnh do một gen quy định. Biết không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?



- I. Có thể xác định chính xác kiểu gen của 8 người.
II. Xác suất sinh con chỉ bị một bệnh của cặp 15-16 là 5/18.
III. Xác suất sinh con trai và không bị bệnh của cặp 15-16 là 25/72.
IV. Cặp vợ chồng 15-16 sinh 2 con, xác suất để cả 2 con đều bị 2 bệnh là 1/144.
- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

----- HẾT -----

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

Mỗi người trên thế giới đều là những người khách bộ hành, mỗi ngày đều bước đi một cách chủ động hoặc bị động trên con đường mình đã chọn...

Cuộc đời không chỉ là con đường đi khó, đôi khi chúng ta còn gặp phải những hố sâu do người khác đào ra, gặp phải sự tấn công của thú dữ, mưa bão và tuyết lạnh. Bất luận gian khó thế nào, chỉ cần chúng ta còn sống, chúng ta còn phải đối mặt. Sống tức là thực hiện một cuộc hành trình không thể trì hoãn...

Trước muôn vàn lối rẽ, không ai có được bản đồ trong tay, cũng không phải ai cũng có kim chỉ nam dẫn đường, tất cả đều phải dựa vào sự phán đoán và lựa chọn của bản thân. Nếu bạn rẽ nhầm lối, khoảng cách với xuất phát điểm sẽ bị rút ngắn ngược lại, nếu rẽ đúng, con đường phía trước sẽ bằng phẳng, rộng rãi.

(Trích Bí quyết thành công của Bill Gates, Khâm Sài Nhân, NXB Hồng Đức).

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản trên. (0,5 điểm)

Câu 2: Chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: *Cuộc đời không chỉ là con đường đi khó, đôi khi chúng ta con gặp phải những hố sâu do người khác đào ra, gặp phải sự tấn công của thú dữ, mưa bão và tuyết lạnh.* (0,5 điểm)

Câu 3: Anh/chị hiểu như thế nào về câu nói: *Nếu bạn rẽ nhầm lối, khoảng cách với xuất phát điểm sẽ bị rút ngắn ngược lại, nếu rẽ đúng, con đường phía trước sẽ bằng phẳng, rộng rãi?* (1,0 điểm)

Câu 4: Thông điệp nào trong văn bản có ý nghĩa nhất với anh/chị? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: *“Sống tức là thực hiện một cuộc hành trình không thể trì hoãn”*.

Câu 2: (5,0 điểm)

Trong tùy bút **Người lái đò Sông Đà**, nhà văn Nguyễn Tuân tự coi mình là người “đi tìm chất vàng của màu sắc núi sông Tây Bắc...”

Bằng hiểu biết về hình tượng Sông Đà, anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

----- HẾT -----

(Đề có 4 trang)

Họ tên : Số báo danh :

Mã đề 132

Câu 1: Tổng thống nào của Mĩ gắn liền với "Chiến lược toàn cầu" phân cách mạng?

- A. Truman B. Ai-xen-hao C. Giôn-xơn D. Ken-nơ-đi

Câu 2: Đặc điểm nổi bật trong con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc lựa chọn cho dân tộc Việt Nam đầu những năm 20 của thế kỷ XX là

- A. độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
B. tập hợp lực lượng cách mạng trong mặt trận dân tộc thống nhất.
C. xác định vị trí, vai trò của cách mạng Việt Nam với thế giới.
D. đặt vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước.

Câu 3: Từ năm 1919 đến năm 1929, diễn ra nội dung quan trọng nào của lịch sử Việt Nam?

- A. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ ba.
B. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ nhất.
C. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai.
D. Chương trình khai thác thuộc địa lần thứ tư.

Câu 4: Vai trò cơ bản nhất của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và khu vực là gì?

- A. Giải quyết các vấn đề về kinh tế, tiền tệ.
B. Giải quyết các vấn đề kinh tế chung của thế giới và khu vực.
C. Giải quyết các vấn đề về kinh tế, tiền tệ, tài chính thế giới và khu vực.
D. Giải quyết các vấn đề về vốn, thị trường.

Câu 5: Bài học kinh nghiệm cho Đảng và Nhà nước Việt Nam sau khi chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu tan rã là

- A. tập trung xây dựng, phát triển nền kinh tế quốc doanh.
B. xây dựng cương lĩnh phù hợp với thực tiễn đất nước và thế giới.
C. cần điều chỉnh mô hình quản lí kinh tế tập trung, bao cấp.
D. tiếp tục tiến nhanh tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 6: Hai khẩu hiệu mà Đảng ta vận dụng trong phong trào cách mạng 1930 -1931 là

- A. " Tự do dân chủ " và " Cơm áo hòa bình "
B. " Độc lập dân tộc " và " Ruộng đất dân cày "
C. " Chống đế quốc " và " Chống phát xít, chống chiến tranh "
D. " Giải phóng dân tộc " và " Tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian "

Câu 7: Địa điểm nào từng chứng kiến cuộc gặp gỡ quan trọng giữa hai nguyên thủ hai nước Mĩ - Xô, cùng thống nhất tuyên bố chấm dứt "Chiến tranh lạnh" ?

- A. Crum. B. Xan Phranxixcô. C. Manta. D. Ôdetxa.

Câu 8: Trong quan hệ quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và Mĩ Latinh không đưa đến tác động nào dưới đây:

- A. Góp phần làm đảo lộn chiến lược toàn cầu của Mĩ.
B. Tạo ra xu thế toàn cầu hóa trong quan hệ giữa các nước.
C. Góp phần làm hình thành trật tự thế giới đa cực.
D. Buộc Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.

Câu 9: Năm 1989, Mĩ và Liên Xô tuyên bố chấm dứt "Chiến tranh lạnh" vì nguyên nhân nào sau đây?

- A. Nền kinh tế Mĩ và Liên Xô suy giảm, Mĩ bị Nhật Bản và Tây Âu cạnh tranh.
B. Các nước Tây Âu, Nhật Bản đã vượt xa Liên Xô và Mĩ về khoa học- kĩ thuật.
C. Nhân dân trên thế giới phản đối cuộc chạy đua vũ trang của Mĩ và Liên Xô.
D. Trong xu thế toàn cầu hóa, sức mạnh quân sự phải nhường chỗ cho sức mạnh kinh tế.

Câu 10: Ngày 15 - 10 - 2003, ở Trung Quốc đã diễn ra sự kiện quan trọng nào?

- A. Phóng thành công tàu "Thần Châu 5".

- B. Thử thành công bom nguyên tử.
C. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
D. Phóng thành công tàu "Thần Châu 3".

Câu 11: Nội dung nào dưới đây được coi là thời cơ lịch sử do xu thế toàn cầu hóa đem lại cho tất cả các quốc gia trên thế giới?

- A. Các nguồn vốn đầu tư, kỹ thuật -- công nghệ và kinh nghiệm quản lý bên ngoài.
B. Sự xung đột và giao thoa giữa các nền văn hóa trên thế giới.
C. Sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế thương mại, tài chính ở các khu vực.
D. Sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế.

Câu 12: Một trong những mục đích khi Pháp thực hiện kế hoạch Rove là gì?

- A. Chia cắt chiến trường hai nước Việt Nam và Lào.
B. Ngăn chặn sự liên lạc giữa Việt Bắc với liên khu III, IV.
C. Khóa chặt biên giới Việt-Trung.
D. Củng cố vùng chiếm đóng ở biên giới phía Bắc.

Câu 13: Cho các sự kiện:

- Việt Nam và Mĩ bình thường hóa quan hệ.
- Việt Nam gia nhập và trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc.
- Việt Nam được bầu làm Ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo trình tự thời gian.

- A. 3, 2, 1. B. 1, 2, 3. C. 1, 3, 2. D. 2, 1, 3.

Câu 14: Việt Nam có thể học hỏi được gì từ công cuộc xây dựng đất nước của Ấn Độ và cải cách - mở cửa của Trung Quốc trong quá trình đổi mới đất nước?

- A. Đẩy mạnh cuộc "cách mạng chất xám" để trở thành nước xuất khẩu phần mềm.
B. Ứng dụng các thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại trong xây dựng đất nước.
C. Nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân để khai thác hợp lí các nguồn tài nguyên.
D. Đẩy mạnh cuộc "cách mạng xanh" trong nông nghiệp để xuất khẩu lúa gạo.

Câu 15: Điểm giống nhau của cách mạng Việt Nam trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945 là điều

- A. thực hiện nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến tay sai.
B. đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.
C. nhận được sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.
D. chống kẻ thù trực tiếp là đế quốc phát xít Pháp, Nhật.

Câu 16: Tháng 8 - 1967, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập là biểu hiện rõ nét của xu thế nào?

- A. Toàn cầu hóa. B. Hòa hoãn Đông - Tây.
C. Liên kết khu vực D. Đa cực, nhiều trung tâm.

Câu 17: Biến đổi quan trọng của khu vực châu Phi và Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. kinh tế của hai khu vực phát triển mạnh mẽ.
B. một loạt các quốc gia độc lập ra đời.
C. quan hệ hợp tác không ngừng được mở rộng.
D. nhiều nước Mĩ Latinh trở thành nước công nghiệp mới.

Câu 18: Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 có vai trò như thế nào đối với Cách mạng tháng Tám 1945?

- A. Củng cố được khối đoàn kết nhân dân.
B. Hoàn chỉnh chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng.
C. Chủ trương thành lập Việt Minh.
D. Giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Câu 19: Mục đích Mĩ đề ra kế hoạch Mác-san đối với các nước Tây Âu là

- A. Chông lại các nước trong khối xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô.
B. Nhằm lấy thuộc địa ở Á, Phi, Mĩ La-tinh của các nước Tây Âu
C. Xoa dịu các nước Tây Âu.
D. Giúp các nước Tây Âu phát triển kinh tế.

Câu 20: Điều không phải là vấn đề cấp bách đặt ra trong Hội nghị Ianta (2-1945)?

- A. Tổ chức lại trật tự thế giới sau chiến tranh.
B. Nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh.

- C. Phân chia thành quả chiến tranh giữa các nước thắng trận.
D. Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít.
- Câu 21: Nước nào đưa con người lên Mặt Trăng đầu tiên (7-1969)?**
A. Nhật B. Trung Quốc C. Liên Xô D. Mĩ
- Câu 22: Nhận định nào không đúng khi nói về chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau “chiến tranh lạnh”?**
A. Tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mĩ.
B. Dựa vào Mĩ để nhận sự viện trợ về kinh tế.
C. Coi trọng quan hệ với các nước Tây Âu.
D. Đa phương hóa, đa dạng hóa trong đối ngoại.
- Câu 23: Khác với cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ nhất thì cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai của thực dân Pháp được mở đầu bằng trận đánh ở**
A. Huế. B. Sài Gòn. C. Hà Nội. D. Đà Nẵng.
- Câu 24: Điểm tương đồng trong công cuộc cải tổ ở Liên Xô (từ 1985) và đổi mới đất nước ở Việt Nam (từ 1986) là đều**
A. lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm, mở rộng hội nhập quốc tế.
B. kiên định con đường xã hội chủ nghĩa.
C. nhằm khắc phục tình trạng khủng hoảng kinh tế xã hội.
D. tiến hành cải tổ về chính trị, cho phép đa nguyên đa đảng.
- Câu 25: Hành động trắng trợn nhất thể hiện dã tâm xâm lược nước ta lần thứ hai của thực dân Pháp là**
A. đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn thuộc Bắc Bộ.
B. liên tiếp gây những cuộc xung đột vũ trang.
C. gửi tới hậu thư đòi Chính phủ ta hạ vũ khí đầu hàng.
D. tập trung tấn công các trụ sở của Đảng ở Nam bộ.
- Câu 26: Một trong những bài học kinh nghiệm ảnh hưởng sâu sắc đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 được Đảng sản Đông Dương rút ra sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái (1930) là cần**
A. vận dụng sáng tạo hệ tư tưởng dân chủ tư sản.
B. xác định nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng.
C. chờ thời cơ cách mạng.
D. sử dụng bạo lực.
- Câu 27: Phương pháp đấu tranh cơ bản trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là gì?**
A. Đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh ngoại giao.
B. Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.
C. Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh báo chí.
D. Đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh nghị trường.
- Câu 28: Đảng lãnh đạo phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là**
A. Đảng Quốc đại. B. Đảng Dân tộc. C. Đảng Cộng sản. D. Đảng Nhân dân.
- Câu 29: “ Nếu không giải quyết vấn đề được dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp trâu ngựa, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi được” là nội dung của văn kiện Hội nghị nào dưới đây?**
A. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 7.
B. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8
C. Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6.
D. Nghị quyết Đại hội lần thứ nhất của Đảng.
- Câu 30: Phong trào cách mạng 1930 - 1931 và phong trào dân chủ 1936 - 1939 ở Việt Nam có sự khác biệt về**
A. nhiệm vụ trước mắt. B. nhiệm vụ chiến lược.
C. giai cấp lãnh đạo. D. động lực đấu tranh.
- Câu 31: Sự lãnh đạo nhạy bén của Đảng Cộng sản Đông Dương được thể hiện trong hội nghị trung ương tháng 7/1936 là**
A. xác định nhiệm vụ trực tiếp của cách mạng Đông Dương là đánh bọn phản động thuộc địa, chống phát xít.
B. xác định nhiệm vụ trực tiếp của cách mạng Đông Dương là đánh phong kiến.
C. đưa ra phương pháp đấu tranh vũ trang, bí mật, bất hợp pháp.
D. xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Đông Dương là đánh đế quốc và phong kiến.

- Câu 32: Cơ sở quan trọng nào dưới đây giúp Nguyễn Ái Quốc khẳng định giai cấp công nhân Việt Nam là lực lượng có vai trò và sứ mệnh lãnh đạo cách mạng?**
A. Đại diện cho phương thức sản xuất tiên bộ nhất.
B. Có nhiều kinh nghiệm lãnh đạo phong trào dân tộc, dân chủ.
C. Có tốc độ tăng nhanh nhất trong xã hội Việt Nam sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.
D. Có tư tưởng Mác-Lênin soi đường và có khả năng liên minh với giai cấp đồng đạo nhất trong xã hội.
- Câu 33: Hiệp ước Bali (2 - 1976) không đề cập đến nguyên tắc hoạt động cơ bản nào trong quan hệ giữa các nước ASEAN?**
A. Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ giữa các nước.
B. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
C. Mọi quyết định đều phải có sự nhất trí của 5 nước sáng lập.
D. Giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- Câu 34: Điểm giống nhau giữa Cương lĩnh chính trị (2/ 1930) và Luận cương chính trị (10/1930) là**
A. lực lượng của cách mạng Việt Nam là công nhân, nông dân
B. lực lượng của cách mạng Việt Nam là công nhân, nông dân, tư sản, tiểu tư sản...
C. cách mạng Việt Nam qua 2 giai đoạn: cách mạng tư sản dân quyền và Xã hội chủ nghĩa.
D. nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là đánh đế quốc trước, đánh phong kiến sau.
- Câu 35: Năm 1972, vì lí do nào sau đây Mĩ muốn thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc và Liên Xô?**
A. Mĩ muốn thay đổi chính sách đối ngoại với các nước Xã hội chủ nghĩa trên thế giới.
B. Mĩ muốn mở rộng các nước đồng minh để chống lại phong trào giải phóng dân tộc.
C. Mĩ muốn bình thường hóa mối quan hệ với Trung Quốc và Liên Xô để cùng phát triển.
D. Mĩ muốn hòa hoãn với Liên Xô, Trung Quốc để chống lại phong trào giải phóng dân tộc.
- Câu 36: Trong bốn “con rồng kinh tế” ở châu Á, thì ở Đông Bắc Á có các “con rồng” là**
A. Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông. B. Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan.
C. Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông. D. Đài Loan, Hồng Kông, Xingapo.
- Câu 37: Điểm giống nhau giữa Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương và Tổ chức Hiệp ước Vácava là gì?**
A. Đều là tổ chức liên minh về quân sự.
B. Đều là liên minh của các nước tư bản.
C. Đều tuyên bố giải thể vào năm 1991.
D. Đều có chung mục đích hoạt động.
- Câu 38: Sự kiện nào sau đây chứng tỏ tâm điểm đối đầu giữa 2 cực Xô - Mĩ ở châu Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai?**
A. Sự ra đời của “Hội đồng tương trợ kinh tế” ở các nước Xã hội chủ nghĩa.
B. Sự ra đời hai nhà nước trên lãnh thổ Đức với hai chế độ chính trị khác nhau.
C. Sự ra đời “kế hoạch Mác-san”, Mĩ viện trợ cho các nước Tây Âu khôi phục kinh tế.
D. Sự ra đời “Tổ chức Hiệp ước Vascava” của các nước Xã hội chủ nghĩa.
- Câu 39: So với phong trào đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm 1919-1925, thì phong trào công nhân trong những năm 1926-1929 có những điểm nào tiến bộ?**
A. Đấu tranh đòi tất cả các quyền lợi về kinh tế
B. Đấu tranh đòi quyền lợi về kinh tế kết hợp với chính trị.
C. Đấu tranh đòi nghỉ ngày chủ nhật có lương.
D. Đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm.
- Câu 40: “Tự do – Bình đẳng – Bác ái” là nguyên tắc tư tưởng được nêu trong Chương trình hành động của tổ chức nào?**
A. Tân Việt cách mạng đảng.
B. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
C. Việt Nam Quốc dân Đảng.
D. Việt Nam nghĩa đoàn.

--- HẾT ---

(Đề có 4 trang)

Họ tên : Số báo danh :

Mã đề 132

- Câu 41:** Trình độ thâm canh của vùng đồng bằng sông Hồng là:
A. Tương đối thấp. B. Khá cao. C. Cao. D. Thấp.
- Câu 42:** Ý nào dưới đây thể hiện cấu trúc địa hình Việt Nam đa dạng?
A. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa
B. Đồi núi thấp chiếm 60% diện tích lãnh thổ
C. Địa hình thấp dần từ Tây bắc xuống Đông Nam
D. Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích
- Câu 43:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết quốc gia nào trong các quốc gia sau đây là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam (năm 2007)?
A. Trung Quốc. B. Đức. C. Hoa Kỳ. D. Ôxtrâyliá.
- Câu 44:** Việc hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp gắn với công nghiệp chế biến sẽ có tác động
A. Khai thác tốt tiềm năng về đất đai, khí hậu của mỗi vùng.
B. Nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.
C. Tạo thêm nhiều nguồn hàng xuất khẩu có giá trị.
D. Dễ thực hiện cơ giới hoá, hoá học hoá, thuỷ lợi hoá.
- Câu 45:** Đây là một trong những đặc điểm của mạng lưới đường ô tô của nước ta.
A. Hòn một nửa đã được trải nhựa. B. Mật độ thuộc loại cao nhất khu vực.
C. Về cơ bản đã phủ kín các vùng. D. Chủ yếu chạy theo hướng Bắc - Nam.
- Câu 46:** Tính đa dạng sinh học của sinh vật biểu hiện ở
A. Thành phần loài có tính đa dạng, chất lượng và nhiều kiểu gen quý
B. Số lượng thành phần loài, chất lượng hệ sinh thái và các nguồn gen quý
C. Giàu thành phần loài, chất lượng hệ sinh thái và các nguồn gen quý
D. Số lượng thành phần loài, các kiểu hệ sinh thái và các nguồn gen quý
- Câu 47:** Khu vực có thêm lục địa bị thu hẹp trên Biển Đông thuộc vùng
A. Bắc Trung Bộ. B. Vịnh Thái Lan.
C. Vịnh Bắc Bộ. D. Nam Trung Bộ
- Câu 48:**
Cho bảng số liệu:

Giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 2014 (đơn vị: tỉ đồng – giá thực tế)

Thành phần kt	Giá trị
Nhà nước	1080,8
Ngài Nhà nước	1987,5
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	2936,2

- Tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của các thành phần kinh tế ở nước ta năm 2014 lần lượt là
A. 10,8%, 49,8%, 39,4%. B. 18,0%, 33,1%, 48,9%.
C. 19,0%, 47,9%, 33,1%. D. 19,1%, 38,9%, 42,0%.
- Câu 49:** Đây là những địa danh làm nước mắm nổi tiếng nhất ở nước ta.
A. Phan Thiết (Bình Thuận), Nha Trang (Khánh Hoà), Tuy Hoà (Phú Yên).
B. Cát Hải (Hải Phòng), Phan Thiết (Bình Thuận), Phú Quốc (Kiên Giang).
C. Phú Quốc (Kiên Giang), Long Xuyên (An Giang), Vũng Tàu (Bà Rịa - Vũng Tàu).
D. Cát Hải (Hải Phòng), Nam Ô (Đà Nẵng), Tuy Hoà (Phú Yên).

- Câu 50:** Đất ở đồng bằng ven biển miền Trung có đặc tính nghèo, nhiều cát, ít phù sa do
A. Các sông miền Trung ngắn, hẹp và rất nghèo phù sa.
B. Đồng bằng nằm ở chân núi, nhận nhiều sỏi, cát trôi sông.
C. Bị xói mòn, rửa trôi mạnh trong điều kiện mưa nhiều
D. Biển đóng vai trò chủ yếu trong quá trình hình thành
- Câu 51:** Theo quy hoạch, ở vùng núi dốc phải đạt độ che phủ khoảng (%)
A. 50-60. B. 60-70. C. 80-90 D. 70-80.
- Câu 52:** Vùng có mật độ dân số thấp nhất là:
A. Cực Nam Trung Bộ. B. Tây Nguyên. C. Đông Bắc. D. Tây Bắc.
- Câu 53:** Vùng có số lượng đô thị nhiều nhất nước ta hiện nay
A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đông Nam Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.
- Câu 54:** Nội dung chủ yếu của chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường là
A. Đảm bảo việc khai thác tài nguyên thiên nhiên đi đôi với sự phát triển kinh tế - xã hội.
B. Duy trì các hệ sinh thái và các quá trình sinh thái chủ yếu.
C. Phòng, chống, khắc phục các thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán...
D. Phát triển dân số và tăng cường sử dụng các nguồn tài nguyên sạch.
- Câu 55:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết địa danh nào sau đây là di sản văn hóa thế giới?
A. Phố cổ Hội An B. Vịnh Hạ Long.
C. Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên D. Phong Nha – Kẻ Bàng.
- Câu 56:** Quá trình đô thị hoá của nước ta 1954 - 1975 có đặc điểm:
A. Quá trình đô thị hoá bị chững lại do chiến tranh.
B. Phát triển rất mạnh trên cả hai miền.
C. Hai miền phát triển theo hai xu hướng khác nhau.
D. Miền Bắc phát triển nhanh trong khi miền Nam bị chững lại.
- Câu 57:** Nước ta có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển ngành đánh bắt hải sản, nhờ có:
A. Phương tiện đánh bắt hiện đại. B. Nhân dân có kinh nghiệm đánh bắt.
C. Nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ. D. Bờ biển dài, vùng đặc quyền kinh tế rộng.
- Câu 58:** Chuyên môn hóa sản xuất cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới (chè, trà, sô, hồ...) là đặc điểm của vùng:
A. Tây Nguyên B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Bắc Trung Bộ.
- Câu 59:** Hiện nay, sự phân bố các hoạt động du lịch của nước ta phụ thuộc nhiều nhất vào :
A. Sự phân bố dân cư. B. Sự phân bố các ngành sản xuất.
C. Sự phân bố các tài nguyên du lịch. D. Sự phân bố các trung tâm thương mại, dịch vụ.
- Câu 60:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô vừa của vùng đồng bằng Sông Hồng?
A. Hải Phòng, Nam Định. B. Nam Định, Hạ Long.
C. Hải Dương, Nam Định. D. Hải Phòng, Hải Dương.
- Câu 61:** Đây là một trong những phương hướng nhằm hoàn thiện cơ cấu ngành công nghiệp nước ta.
A. Xây dựng một cơ cấu ngành tương đối linh hoạt.
B. Tăng nhanh tỉ trọng các ngành công nghiệp nhóm A.
C. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.
D. Cân đối tỉ trọng giữa nhóm A và nhóm B.
- Câu 62:** Biển Đông là biển lớn thứ mấy trong số các biển ở Thái Bình Dương?
A. 1. B. 2. C. 3. D. 4
- Câu 63:** Cho bảng số liệu:

Diện tích, số dân một số nước Đông Nam Á năm 2015			
TT	Quốc gia	Diện tích (nghìn km ²)	Số dân (triệu người)
1	Campuchia	181,0	15,4

2	Lào	236,8	6,9
3	Thái Lan	513,1	65,1
4	Việt Nam	331,0	91,7

Nước có mật độ dân số lớn nhất so với nước có mật độ dân số nhỏ nhất chênh nhau

- A. 3,3 lần. B. 9,6 lần. C. 2,2 lần. D. 6,9 lần.

Câu 64: Gió Phơn Tây Nam khô nóng hoạt động mạnh nhất vào thời gian

- A. Cuối mùa xuân đầu mùa hè. B. Nửa cuối mùa hạ.
C. Đầu mùa thu - đông. D. Nửa đầu mùa hạ.

Câu 65: Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, nên:

- A. Có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá
B. Nền nhiệt độ cao, chan hòa ánh nắng
C. Khí hậu có hai mùa rõ rệt: mùa đông bớt nóng, khô và mùa hạ nóng, mưa nhiều
D. Có sự phân hóa tự nhiên rõ rệt.

Câu 66: Khoáng sản kim loại đen ở nước ta bao gồm :

- A. . Quặng bôxít, mangan, titan, sắt. B. Quặng crôm, titan, apatit, bôxít.
C. Quặng titan, crôm, sắt, mangan. D. . Quặng sắt, bôxít, niken, mangan.

Câu 67: Hướng chuyên môn hoá của tuyến công nghiệp Đông Anh – Thái Nguyên là

- A. Hoá chất và vật liệu xây dựng. B. Vật liệu xây dựng và cơ khí.
C. Cơ khí và luyện kim. D. Dệt may, xi măng và hoá chất.

Câu 68: Feralit là loại đất chính ở Việt Nam vì

- A. Trong năm có hai mùa mưa và khô rõ rệt B. Có 3/4 diện tích đồi núi.
C. Nước ta chủ yếu là vùng đồi núi thấp. D. Có khí hậu nhiệt đới ẩm

Câu 69: Tỷ lệ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn nước ta ngày càng tăng nhờ

- A. Chất lượng lao động ở nông thôn đã được nâng lên.
B. Việc thực hiện công nghiệp hoá nông thôn.
C. Dân cư đang có xu hướng chuyển từ nông thôn lên thành thị
D. Việc đa dạng hoá cơ cấu kinh tế ở nông thôn.

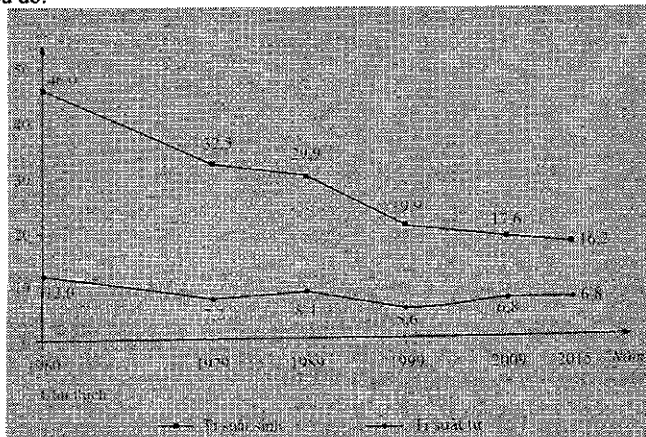
Câu 70: Đường biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc dài khoảng (km):

- A. 1400. B. 2100. C. 1100. D. 2300

Câu 71: Hai tỉnh có diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản lớn nhất ở nước ta hiện nay là:

- A. Cà Mau và Bạc Liêu. B. Ninh Thuận và Bình Thuận.
C. An Giang và Đồng Tháp. D. Bến Tre và Tiền Giang.

Câu 72: Cho biểu đồ:



Biểu đồ tỉ suất sinh và tỉ suất tử của nước ta qua các năm (%)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. Tỉ suất tử của nước ta không biến động.
B. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên giảm chủ yếu do tỉ suất tử tăng.
C. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên có xu hướng tăng.
D. Tỉ suất sinh của nước ta liên tục giảm.

Câu 73: Cơ cấu công nghiệp được biểu hiện ở

- A. Các ngành công nghiệp trong toàn bộ hệ thống các ngành công nghiệp
B. Tỉ trọng giá trị sản xuất của từng ngành trong toàn bộ hệ thống các ngành công nghiệp
C. Mối quan hệ giữa các ngành trong toàn bộ hệ thống các ngành công nghiệp
D. Thứ tự về giá trị sản xuất của mỗi ngành trong toàn bộ hệ thống các ngành công nghiệp

Câu 74: Vùng núi Trường Sơn Bắc có đặc điểm

- A. Gồm các dãy núi song song và so le theo hướng Tây bắc – Đông nam
B. Địa hình cao nhất nước ta với các dãy núi có hướng Tây bắc – Đông Nam
C. Gồm có khối núi và các cao nguyên xếp tầng.
D. Có các cánh cung lớn mở ra về phía Bắc và Đông

Câu 75: Vùng cực Nam Trung Bộ là nơi có nghề làm muối rất lí tưởng vì

- A. Có nhiệt độ cao, nhiều nắng, chỉ có vài sông nhỏ đổ ra biển.
B. Có thềm lục địa thoải kéo dài sang tận Ma-lai-xi-a.
C. Không có bão lụt không chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc.
D. Có những dãy núi ăn lan ra tận biển nên bờ biển khúc khuỷu, nhiều vũng vịnh.

Câu 76: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của nước ta hiện nay phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng:

- A. Hội nhập vào nền kinh tế thế giới.
B. Mở rộng đầu tư ra nước ngoài.
C. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.
D. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Câu 77: Tỉnh nào sau đây có khả năng phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Hà Giang. B. Quảng Ninh. C. Lạng Sơn. D. Hải Phòng

Câu 78: Ngư trường nào sau đây không phải là ngư trường trọng điểm ở nước ta?

- A. Ngư trường Cà Mau - Kiên Giang. B. Ngư trường Hải Phòng - Quảng Ninh.
C. Ngư trường Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh. D. Ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

Câu 79: Ý nào sau đây không phải là một đặc điểm của các ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay?

- A. Có tác động đến sự phát triển các ngành khác. B. Đem lại hiệu quả kinh tế cao.
C. Có thể mạnh lâu dài để phát triển. D. Chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu giá trị sản phẩm.

Câu 80: Quần đảo Kiên Hải thuộc tỉnh nào của nước ta?

- A. Cà Mau B. Sóc Trăng C. Bạc Liêu. D. Kiên Giang.

— HẾT —

(Đề có 4 trang)

Họ tên : Số báo danh :

Mã đề 132

Câu 81: Trên đường chờ bạn gái đi chơi bằng xe mô tô, do phóng nhanh vượt ẩu anh K đã va chạm vào xe anh B đang đi ngược đường một chiều nên hai bên to tiếng với nhau. Thấy người đi đường dùng dụng cụ điện thoại đi động quay video, anh K và bạn gái vội vã bỏ đi. Những ai dưới đây phải chịu trách nhiệm hành chính?

- A. Anh K và bạn gái.
- B. Anh K, bạn gái và người quay video.
- C. Anh B, K và bạn gái.
- D. Anh K và anh B.

Câu 82: Việc công dân viết bài đăng báo, bày tỏ quan điểm của mình phê phán cái xấu, đồng tình với cái tốt là biểu hiện quyền nào dưới đây của công dân?

- A. Quyền tự do tư tưởng.
- B. Quyền tự do ngôn luận.
- C. Quyền tự do báo chí.
- D. Quyền tham gia ý kiến.

Câu 83: Pháp luật quy định *Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở của công dân* là để tránh hành vi nào sau đây của cơ quan và cán bộ công chức nhà nước khi thi hành công vụ?

- A. tránh hành vi tùy tiện, lạm dụng quyền hạn.
- B. tránh hành vi cố ý, lợi dụng quyền hạn.
- C. tránh hành vi tùy ý, lợi dụng quyền hạn.
- D. tránh hành vi vi phạm, lợi dụng quyền hạn.

Câu 84: Thị trường bao gồm những nhân tố cơ bản nào?

- A. Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán.
- B. Người mua, người bán, tiền tệ, trung tâm thương mại.
- C. Hàng hóa, người mua, người bán, siêu thị.
- D. Hàng hóa, tiền tệ, cửa hàng, chợ.

Câu 85: Công ty sản xuất gạch men X không áp dụng biện pháp bảo vệ môi trường nên đã bị Cảnh sát môi trường lập biên bản xử lý vi phạm hành chính. Hành vi xử phạt của Cảnh sát môi trường là biểu hiện của hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây?

- A. Tuân thủ pháp luật.
- B. Áp dụng pháp luật.
- C. Thi hành pháp luật.
- D. Sử dụng pháp luật.

Câu 86: Giá cả của hàng hóa trên thị trường vận động như thế nào?

- A. Luôn cao hơn giá trị.
- B. Luôn thấp hơn giá trị.
- C. Luôn xoay quanh giá trị.
- D. Luôn ăn khớp với giá trị.

Câu 87: Khẳng định nào sau đây **không** đúng với nội dung quyền bình đẳng trong kinh doanh?

- A. Mọi công dân được tự do lựa chọn việc làm trong các cơ sở kinh doanh.
- B. Mọi công dân được thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
- C. Mọi công dân được chủ động mở rộng quy mô, ngành nghề kinh doanh.
- D. Mọi công dân được tự do lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh.

Câu 88: Vi phạm dân sự là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm tới các quan hệ tài sản, đó là quan hệ

- A. sở hữu, hợp đồng.
- B. trật tự, an toàn xã hội.
- C. sản xuất, kinh doanh.
- D. hành chính, mệnh lệnh.

Câu 89: V là người buôn bán ma túy chuyên nghiệp đã thuê G với số tiền 500 nghìn đồng để G (17 tuổi) giúp vận chuyển số Heroin từ chợ về nhà V. Số Heroin được gói trong bọc quà sinh nhật. G đang mang từ chợ về nhà V thì bị công an bắt giữ. Theo em, V và G phải chịu trách nhiệm pháp lý nào dưới đây?

- A. Chỉ có V phải chịu trách nhiệm hình sự.
- B. V chịu trách nhiệm hình sự, G chịu trách nhiệm hành chính.

C. V chịu trách nhiệm hình sự, G chịu trách nhiệm kỷ luật.

D. V và G phải chịu trách nhiệm hình sự.

Câu 90: Tục ngữ có câu “Chín quá hóa mười” muốn đề cập đến quy luật Triết học nào dưới đây?

- A. Tự nhiên.
- B. Lượng - Chất.
- C. Phủ định.
- D. Mâu thuẫn.

Câu 91: Pháp luật quy định: Người nào tự ý bóc, mở, tiêu hủy thư của người khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ có thể bị

- A. xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.
- B. kỉ luật hoặc xử phạt dân sự.
- C. cảnh cáo hoặc khiển trách.
- D. khiển trách hoặc xử phạt dân sự.

Câu 92: Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, pháp luật có vai trò

- A. trừng trị nghiêm khắc mọi hành vi xâm hại đến môi trường.
- B. bảo vệ môi trường trong cộng đồng dân cư.
- C. bảo vệ có hiệu quả môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
- D. bảo vệ môi trường cho các thế hệ tương lai.

Câu 93: Tiền tệ thực hiện chức năng thước đo giá trị khi nào?

- A. Khi tiền làm phương tiện lưu thông thúc đẩy mua bán hàng hóa.
- B. Khi tiền dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa.
- C. Khi tiền dùng để chi trả sau khi giao dịch mua bán.
- D. Khi tiền rút khỏi lưu thông và đi vào cất trữ.

Câu 94: Trách nhiệm pháp lý được áp dụng nhằm mục đích

- A. thực hiện quyền công dân trong xã hội.
- B. thẳng tay trừng trị người vi phạm pháp luật.
- C. buộc người vi phạm pháp luật chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.
- D. cảnh cáo những người khác để họ không vi phạm pháp luật.

Câu 95: Chủ thể của hợp đồng lao động là

- A. người lao động và người sử dụng lao động.
- B. ông chủ và người làm thuê.
- C. người lao động và đại diện người lao động.
- D. đại diện người lao động và người sử dụng lao động.

Câu 96: Chủ thể giống nhau giữa ba hình thức thực hiện pháp luật (sử dụng pháp luật, thi hành pháp luật, tuân thủ pháp luật) chủ thể là:

- A. các cơ quan nhà nước.
- B. công chức nhà nước.
- C. các cá nhân vi phạm pháp luật.
- D. các cá nhân, tổ chức trong xã hội.

Câu 97: Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở nào dưới đây?

- A. Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa.
- B. Thời gian lao động cá biệt để sản xuất ra hàng hóa.
- C. Thời gian trung bình để sản xuất ra hàng hóa.
- D. Chi phí để sản xuất ra hàng hóa.

Câu 98: Trên đường đến cơ quan bằng xe mô tô, do sử dụng điện thoại khi đang lái xe nên anh H đã va chạm với xe đạp điện do chị P là sinh viên điều khiển đi ngược đường một chiều khiến chị P bị thương nhẹ. Thấy anh H định bỏ đi, anh T là người chứng kiến sự việc đã đánh anh H chấn thương sọ não phải nhập viện điều trị dài ngày. Những ai dưới đây vi phạm pháp luật hành chính?

- A. Anh T và anh H.
- B. Anh T và chị P.
- C. Anh H, chị P và anh T.
- D. Anh H và chị P.

Câu 99: P và Q có mâu thuẫn với nhau. Hai bên cãi cọ rồi đánh nhau. Kết quả là P đánh Q gây thương tích. Hành vi của P đã xâm phạm tới quyền nào dưới đây của công dân?

- A. Quyền bất khả xâm phạm về nhân thân.
- B. Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.
- C. Quyền được đảm bảo an toàn thân thể.
- D. Quyền được pháp luật bảo hộ về sức khỏe.

Câu 100: Pháp luật quy định quyền học tập của công dân là nhằm

- A. tạo môi trường ổn định cho sự phát triển của công dân.
 B. giáo dục, bồi dưỡng phát triển tài năng của công dân.
 C. giáo dục và tuyển chọn nhân tài cho đất nước.
 D. đáp ứng và bảo đảm nhu cầu học tập của mỗi người.
- Câu 101:** Bà M đã sử dụng nhà nghỉ do mình đứng tên kinh doanh để tổ chức môi giới hoạt động mại dâm. Trong trường hợp này, bà M đã
- A. không áp dụng pháp luật.
 B. không sử dụng pháp luật.
 C. không thi hành pháp luật.
 D. không tuân thủ pháp luật.
- Câu 102:** Trên cơ sở quy định pháp luật về trật tự an toàn đô thị, Ủy ban nhân dân thành phố C đã yêu cầu người dân không được để xe trên hè phố. Trong trường hợp này, pháp luật đã thể hiện vai trò nào dưới đây?
- A. Là phương tiện để Nhà nước quản lý xã hội.
 B. Là phương tiện để đảm bảo mỹ quan thành phố.
 C. Là công cụ quản lý đô thị hữu hiệu.
 D. Là hình thức cưỡng chế người vi phạm.
- Câu 103:** Nội dung nào dưới đây thể hiện nguyên tắc bình đẳng trong quan hệ hôn nhân và gia đình?
- A. Dân chủ, công bằng, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.
 B. Dân chủ, tự do, quan tâm lẫn nhau, không phân biệt đối xử.
 C. Dân chủ, bình đẳng, quan tâm lẫn nhau, không phân biệt đối xử.
 D. Dân chủ, công khai, tôn trọng lẫn nhau, không phân biệt đối xử.
- Câu 104:** Do có mâu thuẫn trong kinh doanh, P đã nhờ Q đến đốt xường của N vào ban đêm. Hậu quả là toàn bộ nhà xưởng và máy móc của N đã bị thiêu rụi, thiệt hại 350 triệu đồng. Trong trường hợp này, những đối tượng nào phải chịu trách nhiệm hình sự?
- A. Chỉ có P.
 B. Không có đối tượng nào.
 C. Chỉ có Q.
 D. P và Q.
- Câu 105:** Nội dung của văn bản cấp dưới khi ban hành không được trái với nội dung do văn bản cấp trên là thể hiện đặc trưng nào sau đây của pháp luật?
- A. tính quyền lực, bắt buộc chung.
 B. tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.
 C. tính quy phạm, phổ biến.
 D. tính quy phạm, phổ biến, bắt buộc chung.
- Câu 106:** Do mâu thuẫn cá nhân, anh B đã dựng chuyện bôi nhọ danh dự của anh A. Biết chuyện, anh A đã tố cáo hành vi của anh B với Ban Giám đốc. Anh B đã xâm phạm tới quan hệ nào của anh A?
- A. Quan hệ cá nhân.
 B. Quan hệ bản thân.
 C. Quan hệ thân nhân.
 D. Quan hệ nhân thân.
- Câu 107:** Mọi công dân không bị phân biệt đối xử trong việc hưởng quyền, thực hiện nghĩa vụ và chịu trách nhiệm pháp lý theo quy định pháp luật là nội dung của khái niệm nào dưới đây?
- A. Bình đẳng về trách nhiệm pháp lý.
 B. Bình đẳng về quyền và nghĩa vụ.
 C. Bình đẳng trước pháp luật.
 D. Bình đẳng về quyền con người.
- Câu 108:** Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất bao gồm yếu tố nào sau đây?
- A. Lao động, sức lao động và đối tượng lao động.
 B. Lao động, đối tượng lao động và công cụ lao động.
 C. Sức lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động.
 D. Sức lao động, đối tượng lao động, tư liệu lao động và tư liệu sản xuất.
- Câu 109:** Pháp luật khuyến khích và tạo điều kiện cho các cá nhân, tổ chức hoạt động nghiên cứu, bảo quản, giới thiệu, truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể nhằm
- A. bảo vệ các giá trị văn hóa của dân tộc.
 B. giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.
 C. xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.
 D. phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc.
- Câu 110:** Cơ quan nào sau đây không có thẩm quyền ra lệnh bắt bị can, bị cáo để tạm giam?
- A. Cơ quan điều tra các cấp.
 B. Ủy ban nhân dân.
 C. Tòa án nhân dân các cấp.
 D. Viện kiểm sát nhân dân các cấp.

Câu 111: UBND xã A đã đầu tư xây dựng khu vui chơi giải trí tại trung tâm xã nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí và tham gia vào đời sống văn hóa cộng đồng của nhân dân. Điều này góp phần

- A. tạo điều kiện cho công dân thể hiện năng khiếu.
 B. phát triển đời sống tinh thần cho công dân.
 C. phát triển đời sống vật chất cho công dân.
 D. chăm sóc sức khỏe cho công dân.

Câu 112: Bốn đối tượng C (12 tuổi), M (15 tuổi), N (17 tuổi), T (18 tuổi) cùng nhau thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Trong trường hợp này, những đối tượng nào phải chịu trách nhiệm hình sự?

- A. N, T.
 B. Chỉ mình T.
 C. C, M, N, T.
 D. M, N, T.

Câu 113: Khi ông A mất, ông di chúc lại quyền thừa kế cho các con nhưng anh C là con cả không thực hiện việc phân chia tài sản theo di chúc và quy định của pháp luật. Hành vi của anh C thuộc loại vi phạm

- A. hình sự.
 B. dân sự.
 C. kỷ luật.
 D. hành chính.

Câu 114: Việc công dân học bất cứ ngành nghề nào phù hợp với năng khiếu, khả năng, sở thích và điều kiện của mình là một trong các nội dung của

- A. quyền tự do của công dân.
 B. quyền học tập của công dân.
 C. quyền lựa chọn ngành nghề của công dân.
 D. quyền được phát triển của công dân.

Câu 115: Trong các hành vi dưới đây hành vi nào thể hiện công dân tuân thủ pháp luật?

- A. Công dân thực hiện quyền tự do kinh doanh.
 B. Người kinh doanh phải thực hiện nghĩa vụ nộp thuế.
 C. Người kinh doanh trốn thuế phải nộp phạt.
 D. Người tham gia giao thông không vượt qua ngã tư khi có tín hiệu đèn đỏ.

Câu 116: Biết được trong Nhà trẻ M có một cô giáo hay đánh các cháu bé mỗi khi cháu không chịu ăn, L đã báo cho Ủy ban nhân dân phường. L đã thực hiện quyền nào dưới đây của công dân?

- A. Quyền tự do ngôn luận.
 B. Quyền khiếu nại.
 C. Quyền bảo vệ trẻ em.
 D. Quyền tố cáo.

Câu 117: Nhờ chị S có hiểu biết về pháp luật nên tranh chấp về đất đai giữa gia đình chị với gia đình anh P đã được giải quyết ổn thỏa. Trường hợp này cho thấy pháp luật đã thể hiện vai trò nào dưới đây?

- A. Bảo vệ quyền và tài sản của công dân.
 B. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
 C. Bảo vệ quyền dân chủ của công dân.
 D. Bảo vệ quyền tham gia và quản lý xã hội

Câu 118: Bình đẳng trong lao động không bao gồm những nội dung nào dưới đây?

- A. Bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ.
 B. Bình đẳng trong việc tổ chức lao động.
 C. Bình đẳng trong giao kết hợp đồng lao động.
 D. Bình đẳng trong thực hiện quyền lao động.

Câu 119: Năng lực trách nhiệm pháp lý của một người phụ thuộc vào những yếu tố nào sau đây?

- A. Độ tuổi, tình trạng sức khỏe – tinh thần.
 B. Độ tuổi, tình trạng sức khỏe – tâm lý.
 C. Độ tuổi, tình trạng sức khỏe – sinh lý.
 D. Độ tuổi, tình trạng sức khỏe – bệnh lý.

Câu 120: Khi cầu tăng lên, sản xuất mở rộng dẫn đến cung tăng là biểu hiện của nội dung nào trong quan hệ cung - cầu?

- A. Thị trường chi phối cung cầu.
 B. Cung cầu ảnh hưởng đến giá cả.
 C. Cung cầu tác động lẫn nhau.
 D. Giá cả ảnh hưởng đến cung cầu.

--- HẾT ---